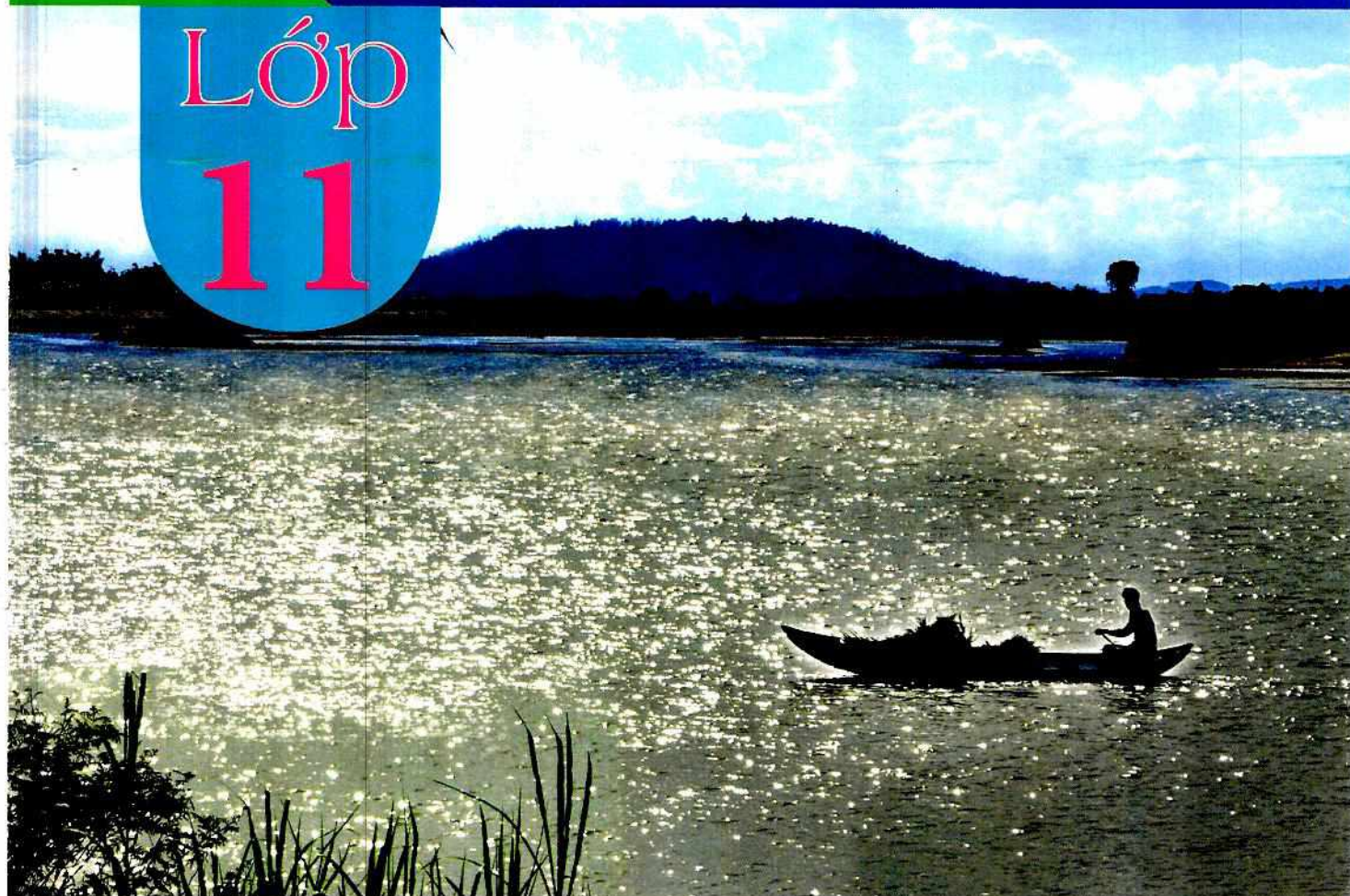


ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

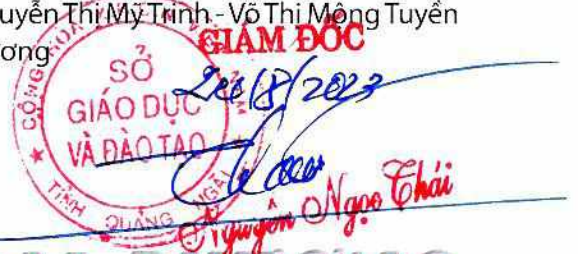
TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH QUẢNG NGÃI

Lớp
11



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Nguyễn Ngọc Thái (Tổng Chủ biên) - Vũ Thị Liên Hương (Chủ biên)
Nguyễn Hoàng Anh - Nguyễn Phương Anh - Quảng Trọng Bạch - Nguyễn Thị Trâm Châu - Lê Tấn Cúc
Lê Đình Diệp - Trần Ngọc Đẩu - Phan Đình Độ - Nguyễn Được - Cao Thị Thanh Hà - Bùi Thị Hạnh
Trần Thị Tuyết Hạnh - Nguyễn Thị Mai Hương - Trương Thị Thu Hường - Trần Thị Ngọc Lanh - Lê Văn Lợi
Phạm Huy Lộc - Huỳnh Ngọc Mỹ - Võ Thị Thuý Nga - Lưu Thị Nga - Lê Hoàng Nguyên - Lê Văn Phương
Trần Thị Kim Phượng - Phan Ánh Quang - Bùi Văn Quảng - Huỳnh Trung Sơn - Lưu Quang Tân
Lương Ngọc Thành - Trần Thanh Thảo - Hà Tấn Thọ - Nguyễn Thị Mỹ Thuận - Huỳnh Thị Thu Thủy
Huỳnh Tấn Tuấn - Nguyễn Thị Thuý Trang - Đặng Thị Mai Trâm - Nguyễn Thị Mỹ Trinh - Võ Thị Mộng Tuyền
Bùi Văn Vàng - Nguyễn Đắc Vương



TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

TỈNH QUẢNG NGÃI

Lớp



Kí hiệu và hướng dẫn sử dụng sách



MỞ ĐẦU

MỞ ĐẦU

Giới thiệu một số nội dung liên quan đến chủ đề, định hướng việc tổ chức các hoạt động học.



KIẾN THỨC MỚI

KIẾN THỨC MỚI

Giải thích, cung cấp thông tin liên quan đến nội dung chủ đề.



LUYỆN TẬP

LUYỆN TẬP

Kiểm tra nhận thức của học sinh.



VẬN DỤNG

VẬN DỤNG

Vận dụng các kiến thức đã học để bày tỏ quan điểm của mình về nội dung qua nhiều hình thức: tham quan thực tế, trò chơi, nêu cảm nghĩ.

LỜI NÓI ĐẦU

Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Quảng Ngãi lớp 11 bao gồm 7 chủ đề thể hiện những nội dung cơ bản của địa phương, gắn liền với các hoạt động trải nghiệm cụ thể.

Mục tiêu biên soạn của tài liệu này nhằm trang bị cho học sinh những vấn đề cơ bản hoặc thời sự về văn hoá, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp,... giúp học sinh hiểu biết về nơi mình sinh sống, từ đó giáo dục cho học sinh về đạo đức, lối sống, bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước.

Tài liệu thiết kế theo từng chủ đề với cấu trúc *Mở đầu – Kiến thức mới – Luyện tập – Vận dụng* kết hợp với hình ảnh minh hoạ cụ thể, sống động, giúp học sinh dễ dàng tiếp cận nội dung cuốn tài liệu và thực hành các hoạt động một cách hào hứng, thoải mái, nắm bắt nhanh những thông điệp qua từng nội dung, hoạt động và vận dụng vào thực tế một cách tự nhiên, phù hợp, chính xác.

Ban biên soạn rất mong nhận được ý kiến đóng góp của quý thầy cô giáo, phụ huynh học sinh và bạn đọc để tài liệu đạt chất lượng tốt hơn trong lần tái bản sau.

Trân trọng cảm ơn!

NHÓM TÁC GIẢ

MỤC LỤC

Chủ đề	NỘI DUNG	Trang
1	Những thắng lợi tiêu biểu của Đảng bộ, quân và dân Quảng Ngãi trong đấu tranh cách mạng (1930 – 1975)	6
2	Nguồn lực kinh tế – xã hội đối với sự phát triển tỉnh Quảng Ngãi	16
3	Tình hình phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi	22
4	Thành tựu phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Quảng Ngãi từ năm 1989 đến năm 2020 và định hướng phát triển đến 2030	31
5	Phong trào thanh niên khởi nghiệp, lập thân và lập nghiệp ở tỉnh Quảng Ngãi	40
6	Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá vật thể ở tỉnh Quảng Ngãi	46
7	Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở tỉnh Quảng Ngãi	56

LƯỢC ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH QUẢNG NGÃI



CHỦ ĐỀ 1

NHỮNG THẮNG LỢI TIÊU BIỂU CỦA ĐẢNG BỘ, QUÂN VÀ DÂN QUẢNG NGÃI TRONG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG (1930 – 1975)

Thực tiễn

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Nêu được nét khái quát về những thắng lợi tiêu biểu của Đảng bộ, quân và dân Quảng Ngãi trong đấu tranh cách mạng, giai đoạn từ năm 1930 đến năm 1975.
- Biết cách sưu tầm và sử dụng tài liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc khởi nghĩa Ba Tơ, chiến thắng Vạn Tường.
- Phân tích được bài học lịch sử qua những thắng lợi tiêu biểu của Đảng bộ, quân và dân Quảng Ngãi trong đấu tranh cách mạng (1930 – 1975).
- Liên hệ được giá trị của các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.
- Tự hào về truyền thống đấu tranh bất khuất của Đảng bộ, quân và dân tỉnh Quảng Ngãi trong lịch sử; sẵn sàng tham gia đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.



MỞ ĐẦU

*“Anh từng nói với em về Quảng Ngãi,
Đất anh hùng sinh du kích Ba Tơ,
Trong kháng chiến từ núi rừng sông bãi,
Không cho quân giặc chiếm bao giờ...”*

Những câu hát trên được trích trong bài hát *Quảng Ngãi đất mẹ ngoan cường* của nhạc sĩ Trương Quang Lục đã thể hiện một cách bao quát về truyền thống yêu nước, tinh thần đấu tranh chống ngoại xâm bất khuất để bảo vệ quê hương của nhân dân tỉnh Quảng Ngãi qua nhiều thời kì. Đặc biệt, từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi ra đời, lãnh đạo, truyền thống ấy đã được quân và dân trong tỉnh phát huy cao độ trong đấu tranh cách mạng và đã giành được nhiều thắng lợi tiêu biểu, đưa sự nghiệp cách mạng của tỉnh ngày càng phát triển mạnh mẽ, góp phần xứng đáng vào sự thắng lợi trong công cuộc đấu tranh giành và bảo vệ độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam.



Truyền thống yêu nước chống ngoại xâm của nhân dân Quảng Ngãi được thể hiện như thế nào qua tiến trình lịch sử từ năm 1930 đến năm 1975? Bài học lịch sử để lại cho ngày nay là gì?



1. Khái quát phong trào đấu tranh cách mạng của Đảng bộ, quân và dân Quảng Ngãi (1930 – 1975)

Quảng Ngãi là tỉnh có lịch sử lâu đời, có nhiều truyền thống tốt đẹp mà từ thế hệ trước đến thế hệ sau nối tiếp nhau gìn giữ và vun đắp. Một trong những truyền thống tiêu biểu luôn được gìn giữ, đáng được tôn vinh và tự hào đó là truyền thống yêu nước, ý chí cách mạng kiên cường, tinh thần đoàn kết trong công cuộc chống giặc ngoại xâm. Chỉ xét riêng trong chặng đường lịch sử từ năm 1930 đến năm 1975, Đảng bộ, quân và nhân dân Quảng Ngãi đã phát huy truyền thống anh hùng cách mạng làm nên nhiều thắng lợi tiêu biểu.

Ngay từ khi mới ra đời, Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi đã lãnh đạo nhân dân đứng lên đấu tranh để “chia lửa”, hưởng ứng phong trào Xô viết Nghệ – Tĩnh (1930 – 1931), tiêu biểu nhất là cuộc biểu tình đấu tranh của hàng nghìn nông dân huyện Đức Phổ đánh chiếm huyện đường vào ngày 8/10/1930. Đây là cuộc biểu tình đầu tiên có quy mô lớn do Tỉnh ủy Quảng Ngãi phát động, chỉ đạo kể từ khi Đảng bộ tỉnh được thành lập. Đó là thắng lợi quan trọng, minh chứng về sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, mà trực tiếp là Tỉnh ủy Quảng Ngãi. Qua đó thể hiện nghệ thuật chỉ đạo tiến hành và kết thúc cuộc biểu tình một cách sáng tạo của Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

Trong cao trào kháng Nhật, cứu nước, ở Quảng Ngãi đã diễn ra cuộc khởi nghĩa Ba Tơ vào ngày 11/3/1945. Đây là một trong những cuộc khởi nghĩa từng phần giành chính quyền sớm nhất trong cả nước. Sau khi khởi nghĩa thành công, Đội du kích Ba Tơ ra đời, trở thành lực lượng vũ trang cách mạng đầu tiên của nhân dân Quảng Ngãi và cũng là đơn vị tiền thân của lực lượng vũ trang nhân dân ở Nam Trung Bộ.

Tiếp đó, hưởng ứng chủ trương Tổng khởi nghĩa của Trung ương Đảng, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, nhân dân trong tỉnh đã nhất tề đứng lên đập tan toàn bộ ách thống trị của bọn thực dân, phát xít và bè lũ tay sai, giành lấy chính quyền về tay nhân dân vào ngày 16/8/1945.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Quảng Ngãi là địa phương thuộc vùng tự do Liên khu V. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, quân và dân Quảng Ngãi đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ vùng tự do, chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến, góp phần cùng với quân dân cả nước đưa cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp đi đến thắng lợi.

Phát huy truyền thống đấu tranh cách mạng của quê hương, trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 – 1975), dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, quân dân Quảng Ngãi tiếp tục đứng lên đấu tranh cách mạng, giành được nhiều thắng lợi to lớn, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, tiêu biểu như: cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi (28/8/1959) vang dội đã đánh dấu bước phát triển mới của cách mạng miền Nam, là sự mở đầu của thời kì đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang nhằm lật đổ ách thống trị tàn bạo của Mĩ và chính quyền Sài Gòn; chiến thắng Ba Gia (31/5/1965) trực tiếp đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ ở Quảng Ngãi, góp phần làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ ở miền Nam; chiến thắng Vạn Tường (18/8/1965) đã giáng một đòn phủ đầu vào chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mĩ, mở ra khả năng quân dân miền Nam có thể đánh bại chiến lược chiến tranh này của Mĩ ở miền Nam. Đặc biệt trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi đã kịp thời chớp thời cơ, lãnh đạo quân và dân toàn tỉnh hoàn thành nhiệm vụ đánh đổ chính quyền Sài Gòn, giải phóng tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 24/3/1975, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.



Hãy liệt kê những thắng lợi tiêu biểu của Đảng bộ, quân và dân Quảng Ngãi trong đấu tranh cách mạng (1930 – 1975).

2. Những thắng lợi tiêu biểu của Đảng bộ, quân và dân Quảng Ngãi trong đấu tranh cách mạng (1930 - 1975)

a) Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Ba Tơ (11/3/1945)

* Bối cảnh lịch sử

Ba Tơ là một huyện miền núi ở phía tây nam của tỉnh Quảng Ngãi, nơi từng có một đồn binh của thực dân Pháp ngay từ khi chúng chiếm đóng vùng đất này. Trong thời kì 1940 – 1945, thực dân Pháp đã dùng Ba Tơ làm nơi “an trí” những người tình nghi là cách mạng hoặc những người tù cách mạng đã mãn hạn. Lập “căng an trí” Ba Tơ, thực dân Pháp muốn dùng rừng núi hiểm trở để trói buộc và tiêu hao dần lực lượng cách mạng.

Đầu năm 1942, tại “căng an trí” Ba Tơ, một chi bộ Đảng gồm 5 đảng viên được thành lập. Chi bộ làm nhiệm vụ của Tỉnh uỷ lâm thời, đồng thời lấy danh nghĩa của Uỷ ban vận động cứu quốc tỉnh để hoạt động trong toàn tỉnh và ra sức xây dựng cơ sở cách mạng, huấn luyện cán bộ... để chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn tỉnh.

Đêm 9/3/1945, trong lúc tiếng súng Nhật đảo chính Pháp nổ ra, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp, đến ngày 12/3/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị: “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, phát động cao trào kháng Nhật, cứu nước trên toàn quốc.

Chờp thời cơ Nhật đảo chính Pháp và thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, Tỉnh uỷ lâm thời quyết định tiến hành khởi nghĩa ở châu Ba Tơ (nay là huyện Ba Tơ) để làm ngòi nổ cho phong trào cách mạng toàn tỉnh.



Trình bày bối cảnh lịch sử của cuộc khởi nghĩa Ba Tơ.

* Diễn biến chính

Tối ngày 10/3/1945, Tỉnh uỷ đã tổ chức cuộc họp. Sau khi đánh giá tình hình, Hội nghị nhận định: “Tình thế cách mạng nhiều nơi trong tỉnh đã chín muồi, không thể bỏ lỡ thời cơ mà phải mạnh dạn tiến hành khởi nghĩa. Trước mắt, khẩn trương huy động lực lượng khởi nghĩa giành chính quyền ở Ba Tơ, sau đó phát động lan nhanh ra nhiều nơi, tiến hành võ trang tuyên truyền, xây dựng căn cứ chống Nhật, châm ngòi cho phong trào khởi nghĩa toàn tỉnh”. Hội nghị cũng quyết định thành lập Ban lãnh đạo khởi nghĩa, do đồng chí Trương Quang Giao làm Trưởng ban.

Bảng 1.1. Tóm tắt một số sự kiện chính của cuộc khởi nghĩa Ba Tơ

Thời gian	Sự kiện
Trưa ngày 11/3/1945	Ban lãnh đạo khởi nghĩa đã họp để xác định quyết tâm khởi nghĩa giành chính quyền ở Ba Tơ, phân công nhiệm vụ cho các đồng chí trong Ban lãnh đạo phụ trách địa bàn và nhanh chóng tập trung lực lượng để tiến hành khởi nghĩa. Quân chúng từ Trường An, Suối Loa, Nước Lá, Nước Gia,... nổi dậy làm chủ xóm làng và tham gia giành chính quyền ở châu lỵ Ba Tơ.
Chiều ngày 11/3/1945	Đồng bào các dân tộc tay cầm giáo mác, dao, rựa, cờ đỏ sao vàng, giương cao biểu ngữ, kéo về sân vận động Ba Tơ tham dự mít tinh, nghe phát biểu của đại diện Tỉnh uỷ và Mặt trận Việt Minh, hô vang các khẩu hiệu ủng hộ cách mạng.
Tối ngày 11/3/1945	Đội quân du kích cùng với quần chúng nhân dân nhanh chóng chiếm đồn lính khố xanh, Nha kiểm lí, buộc tên Tri châu Ba Tơ giao nộp toàn bộ vũ khí, giấy tờ, con dấu cho lực lượng khởi nghĩa. Chính quyền địch ở châu Ba Tơ tan rã. Toàn bộ bọn lính khố xanh và chỉ huy đồn Ba Tơ buông súng đầu hàng. Khởi nghĩa Ba Tơ thắng lợi.
Sáng ngày 12/3/1945	Chính quyền cách mạng huyện Ba Tơ được thành lập và ra mắt nhân dân. Ban lãnh đạo khởi nghĩa đã thành lập Đội du kích Ba Tơ gồm 17 đội viên.



Hình 1.1. Đội du kích Ba Tơ họp bàn kế hoạch chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa tại khu căn cứ địa, tháng 3/1945



Trình bày diễn biến chính của cuộc khởi nghĩa Ba Tơ.

* Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm

Khởi nghĩa Ba Tơ là cuộc khởi nghĩa từng phần, tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào cách mạng tỉnh Quảng Ngãi tiến lên tổng khởi nghĩa trong Cách mạng tháng Tám năm 1945. Cuộc khởi nghĩa đã chính thức khai sinh ra chính quyền cách mạng và lực lượng vũ trang đầu tiên của nhân dân Quảng Ngãi nói riêng và cả Khu V nói chung.

Cuộc khởi nghĩa thắng lợi đã ảnh hưởng to lớn và thúc đẩy mạnh mẽ tinh thần cách mạng, khí thế đấu tranh của các dân tộc trong tỉnh và các địa



Hình 1.2. Tượng đài khởi nghĩa Ba Tơ trước Bảo tàng khởi nghĩa Ba Tơ

phương lân cận; chứng tỏ tính chất đúng đắn của những dự kiến hết sức tài tình sáng suốt, khoa học của Trung ương Đảng.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Ba Tơ đã để lại nhiều bài học có giá trị thực tiễn. Đó là, bài học về tinh chủ động nắm bắt thời cơ; nghệ thuật lãnh đạo của Đảng; tinh thần đoàn kết của đồng bào các dân tộc; sự sáng tạo trong xây dựng, kết hợp lực lượng quần chúng với lực lượng vũ trang để đánh địch...

TỰ LIỆU 1. *“Từ giờ phút này, chính quyền cách mạng tuyên bố xoá bỏ các thứ thuế nợ nần do Pháp lập ra. Nhiệm vụ của chính quyền cách mạng là cùng toàn dân Kinh, Thượng đánh đổ phát xít Nhật, tảo chay thực dân Pháp, làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập. Đội quân du kích Ba Tơ là lực lượng của cách mạng, của Đảng, của toàn thể đồng bào, có nhiệm vụ chiến đấu cho nền độc lập tự do của đất nước, bảo vệ đồng bào...”*

Nguồn: *Đề cương tuyên truyền kỷ niệm 70 năm Ngày khởi nghĩa Ba Tơ (11/3/1945 – 11/3/2015) của Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Quảng Ngãi.*



- Khai thác Tự liệu 1 và thông tin trong mục, trình bày ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của cuộc khởi nghĩa Ba Tơ.
- Hãy phân tích những nguyên nhân dẫn đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa này.

b) Chiến thắng Vạn Tường (18/8/1965)

*** Bối cảnh lịch sử**

Đến giữa năm 1965, sau khi “Chiến tranh đặc biệt” thất bại, đế quốc Mỹ liền chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam Việt Nam, đưa quân đội Mỹ và quân các nước đồng minh của Mỹ tham chiến ở chiến trường miền Nam.

Về phía ta, sau chiến thắng Ba Gia vang dội (5/1965), Trung đoàn 1 (Trung đoàn Ba Gia) về đóng quân tại các xã thuộc khu Đông huyện Bình Sơn để nghỉ ngơi và huấn luyện quân sự.

Phát hiện quân ta ở Bình Sơn, quân đội Mỹ coi đây là cơ hội để thể hiện sức mạnh của mình, nên Bộ Tư lệnh Lính thủy đánh bộ Mỹ quyết định mở cuộc hành quân “Ánh sáng sao” nhằm bao vây tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta.



Trình bày bối cảnh lịch sử của trận Vạn Tường.

* Diễn biến chính

Đêm ngày 17/8/1965, hơn chục tàu chiến của Mỹ ngoài biển khơi liên tục bắn đại bác vào thôn Vạn Tường (thuộc xã Bình Hải, huyện Bình Sơn) và các cao điểm xung quanh.

Sáng ngày 18/8/1965, Mỹ huy động 9 000 quân và nhiều xe tăng, xe bọc thép, máy bay lên thẳng, máy bay phản lực chiến đấu, tàu chiến, tấn công mạnh mẽ vào thôn Vạn Tường. Sau một ngày đêm phối hợp chiến đấu quyết liệt, dũng cảm, gan dạ, Trung đoàn 1, Đại đội 31 và dân quân, du kích các xã Bình Hoà, Bình Hải, Bình Phú, Bình Trị (huyện Bình Sơn) đánh bại hoàn toàn cuộc hành quân lớn của quân đội Mỹ, loại khỏi vòng chiến đấu 919 tên Mỹ, bắn cháy, bắn hỏng 22 xe tăng, xe bọc thép, bắn rơi 13 máy bay và phá huỷ nhiều phương tiện chiến tranh của chúng.



Hình 1.3. Lược đồ trận Vạn Tường



Đọc thông tin tư liệu và quan sát hình 1.3, trình bày diễn biến chính của trận Vạn Tường.

3. Bài học lịch sử và giá trị thực tiễn từ những thắng lợi tiêu biểu của Đảng bộ, quân và dân tỉnh Quảng Ngãi trong đấu tranh cách mạng (1930 – 1975)

Những thắng lợi tiêu biểu của Đảng bộ, quân và dân tỉnh Quảng Ngãi trong đấu tranh cách mạng (1930 – 1975) đã để lại những bài học lịch sử sâu sắc và có giá trị thực tiễn to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay.

Thứ nhất, các cấp bộ Đảng ở địa phương phải tuyệt đối trung thành với Đảng, nắm vững, chấp hành nghiêm túc và vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Trung ương Đảng và phương pháp cách mạng thích hợp vào hoàn cảnh của địa phương.

Thứ hai, phải nắm vững và chấp hành đúng đắn chính sách dân tộc, tăng cường khối đoàn kết toàn dân, như: đoàn kết giữa Đảng với nhân dân; đoàn kết giữa đồng bào các dân tộc, đoàn kết giữa quân với dân..., biết khơi dậy lòng tự hào và phát huy truyền thống anh hùng, bất khuất, tạo nên sức mạnh tổng hợp để đánh bại mọi kẻ thù xâm lược.

Thứ ba, phải đánh giá đúng thực lực của ta và địch, nêu cao tinh thần cảnh giác, thấy rõ thời cơ, kịp thời chớp thời cơ, có quyết tâm cao để có thể đánh thắng địch từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Thứ tư, phải biết kế thừa và phát huy những nghệ thuật quân sự của cha ông, trong đó nổi bật là nghệ thuật tiến hành chiến tranh nhân dân; lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh; kết hợp tiến công quân sự với đấu tranh chính trị và binh vận; kết hợp chiến tranh du kích với chính quy...

TỰ LIỆU 3. “Sau khi cuộc khởi nghĩa Ba Tư thắng lợi, chính quyền cách mạng đem toàn bộ tài sản thu được trong đồn địch phát cho nhân dân trong vùng, chia cho đồng bào nghèo. Đội du kích Ba Tư tỏa ra các vùng xung quanh cùng với Việt Minh các xã tổ chức ăn thề, nguyện cùng nhau đoàn kết, giữ vững lòng trung thành với cách mạng, ủng hộ đội quân khởi nghĩa. Một số đồng chí lên tận vùng cao gặp các già làng bàn việc xây dựng, phát triển căn cứ cách mạng...”

Nguồn: Đề cương tuyên truyền kỷ niệm 70 năm Ngày Khởi nghĩa Ba Tư (11/3/1945 – 11/3/2015) của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.



Phân tích các bài học lịch sử qua những thắng lợi tiêu biểu của Đảng bộ, quân và dân Quảng Ngãi trong đấu tranh cách mạng (1930 – 1975).



LUYỆN TẬP

1. Hãy hoàn thành bảng thống kê (theo gợi ý dưới đây) về nội dung chính của những thắng lợi tiêu biểu của Đảng bộ, quân và dân Quảng Ngãi trong đấu tranh cách mạng (1930 – 1975).

Những thắng lợi tiêu biểu	Thời gian	Địa bàn	Diễn biến chính	Kết quả	Ý nghĩa

2. Phân tích nguyên nhân dẫn đến những thắng lợi tiêu biểu của Đảng bộ, quân và dân Quảng Ngãi trong đấu tranh cách mạng (1930 – 1975). Trong đó, nguyên nhân nào là quan trọng nhất? Vì sao?



VẬN DỤNG

1. Sưu tầm tư liệu lịch sử từ sách, báo, internet để viết bài giới thiệu/ hoàn thành bài thuyết trình giới thiệu về một thắng lợi của Đảng bộ, quân và dân Quảng Ngãi trong đấu tranh cách mạng (1930 – 1975).
2. Những bài học lịch sử nào từ thắng lợi tiêu biểu của Đảng bộ, quân và dân Quảng Ngãi trong đấu tranh cách mạng (1930 – 1975) có thể vận dụng trong công cuộc xây dựng và phát triển của tỉnh Quảng Ngãi hiện nay? Lấy ví dụ cụ thể.

CHỦ ĐỀ 2

NGUỒN LỰC KINH TẾ – XÃ HỘI ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH QUẢNG NGÃI

Mục tiêu

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Trình bày và đánh giá được thế mạnh, hạn chế của nguồn lực kinh tế – xã hội đối với sự phát triển tỉnh Quảng Ngãi.
- Nhận xét và phân tích được vai trò của nguồn lực kinh tế – xã hội đối với sự phát triển tỉnh Quảng Ngãi thông qua quan sát các tranh ảnh, bảng số liệu.



MỞ ĐẦU

Nguồn lực kinh tế – xã hội đóng vai trò trực tiếp và quyết định đối với sự phát triển kinh tế của tỉnh Quảng Ngãi. Nguồn lực kinh tế – xã hội của tỉnh Quảng Ngãi có đặc điểm gì và tác động như thế nào đến sự phát triển của tỉnh?



KIẾN THỨC MỚI

1. Nguồn lao động

Quảng Ngãi có nguồn lao động dồi dào, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên có 670,9 nghìn người, chiếm 53,9% dân số của cả tỉnh (năm 2021). Đây là nguồn lực quan trọng của quá trình sản xuất, phát triển kinh tế và thu hút đầu tư nhưng cũng là thách thức lớn trong vấn đề giải quyết việc làm ở địa phương.

Bảng 2.1. Cơ cấu lao động của tỉnh Quảng Ngãi đang làm việc trong nền kinh tế phân theo đào tạo và khu vực kinh tế, năm 2016 và năm 2021

Năm	2016	2021
Cơ cấu lao động (%)		
– Phân theo đào tạo		
+ Đã qua đào tạo	18,5	26,1
+ Chưa qua đào tạo	81,5	73,9
– Phân theo khu vực kinh tế		
+ Nông – lâm – thủy sản	51,0	33,6
+ Công nghiệp – xây dựng	19,0	29,7
+ Dịch vụ	30,0	36,7

(Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Quảng Ngãi, năm 2021)

Quảng Ngãi là một trong những địa phương ở khu vực miền Trung có số lượng lao động ở nước ngoài khá lớn. Lao động ở nước ngoài đã góp phần nâng cao tay nghề cho nguồn lao động của tỉnh, đem lại nguồn ngoại tệ góp phần bổ sung vốn cho đầu tư sản xuất, kinh doanh và nâng cao mức sống cho người dân.

Chất lượng nguồn lao động ngày càng được nâng cao nhưng so với yêu cầu hiện nay, lực lượng lao động có trình độ cao vẫn còn ít, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lí, công nhân kĩ thuật lành nghề. Lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản còn chiếm tỉ lệ lớn, năng suất lao động còn thấp đã ảnh hưởng lớn đến cơ cấu và hiệu quả sử dụng lao động của tỉnh.

Trong thời gian tới cần đẩy mạnh nâng cao chất lượng nguồn lao động để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế trong thời kì hội nhập. Nguồn lao động chất lượng cao là yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển nhanh và tăng khả năng cạnh tranh cho nền kinh tế tỉnh Quảng Ngãi.



Đọc thông tin ở mục 1 và bảng 2.1, phân tích vai trò của nguồn lao động đối với phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Quảng Ngãi.

2. Vốn đầu tư

Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2021 đạt 22 209,2 tỉ đồng. Chính nguồn vốn đầu tư là cơ sở để mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao trình độ khoa học và công nghệ, tăng tích lũy cho nền kinh tế của tỉnh.

Bảng 2.2. Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2021

(Đơn vị: Tỷ đồng)

Khu vực \ Năm	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Nhà nước	7 461,2	9 277,8	6 795,6	8 007,4	7 707,1	5 903,5
Ngoài Nhà nước	8 252,6	11 971,4	34 558,7	29 151,9	18 481,8	12 925,2
Đầu tư trực tiếp nước ngoài	1 159,7	1 331,4	2 623,6	3 456,2	2 846,5	3 380,5
Tổng số	16 873,5	22 580,6	43 977,9	40 615,5	28 406,4	22 209,2

(Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Quảng Ngãi, năm 2021)

Vốn đầu tư nước ngoài có tác động lớn đến tăng trưởng kinh tế và tạo việc làm cho nguồn lao động của tỉnh. Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tuy còn thấp nhưng tăng khá nhanh, nguồn vốn này đã góp phần hình thành các dự án, khu công nghiệp như: VSIP, nhà máy Doosan Vina Quảng Ngãi,... Ngoài ra, nguồn vốn viện trợ nước ngoài (ODA) cũng góp phần hỗ trợ phát triển kinh tế, nâng cấp hạ tầng; khắc phục một số khó khăn trong y tế, giáo dục, đào tạo nghề, an sinh xã hội.

Nguồn vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi luôn biến động và chịu sự tác động của nền kinh tế trong nước và thế giới làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và xây dựng hạ tầng kinh tế. Do vậy, việc duy trì ổn định và gia tăng nguồn vốn đầu tư có vai trò quan trọng đối với sự phát triển và tái sản xuất.



Đọc thông tin ở mục 2 và bảng 2.2 hãy:

- Nhận xét về sự thay đổi vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2021.
- Nêu vai trò của các nguồn vốn đối với phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Quảng Ngãi.

3. Khoa học và công nghệ

Khoa học và công nghệ ở tỉnh Quảng Ngãi có bước phát triển khá nhanh góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội, nâng cao năng suất lao động, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế; mở rộng khả năng khai thác và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực.

Chuyển đổi số đang dần hiện diện trong mọi mặt đời sống và đang tạo ra nhiều cơ hội, tiềm năng mới cho Quảng Ngãi trong mọi lĩnh vực từ thu hút đầu tư, quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản, phát triển y tế, giáo dục, nông nghiệp, giao thông,... đến

quản trị hành chính, tương tác giữa người dân, tổ chức, doanh nghiệp với chính quyền và ngược lại. Điển hình là trung tâm điều hành thông minh (IOC) tỉnh Quảng Ngãi đã nâng cao công tác chỉ đạo điều hành của tỉnh, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước, thúc đẩy nền kinh tế – xã hội phát triển theo chiều sâu.



Hình 2.1. Khai trương trung tâm điều hành thông minh (IOC) tỉnh Quảng Ngãi



Đọc thông tin ở mục 3, nêu vai trò của khoa học và công nghệ đối với phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Quảng Ngãi.

4. Cơ sở hạ tầng

Cơ sở hạ tầng ở tỉnh Quảng Ngãi khá hoàn thiện bao gồm hạ tầng giao thông, mạng lưới điện, nước, thông tin liên lạc, các công trình công cộng, dịch vụ: y tế, văn hoá, giáo dục, thể dục thể thao,... có tác động trực tiếp đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

Hạ tầng giao thông vận tải được đầu tư và nâng cấp trong toàn tỉnh, một số dự án lớn đã đưa vào sử dụng như: cảng nước sâu Dung Quất, cầu Cổ Lũy, đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi,... tăng cường sự kết nối thuận lợi giữa các địa phương trong tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi trong giao thương với các tỉnh trong khu vực, cả nước và quốc tế. Mạng lưới thông tin liên lạc ngày càng hiện đại, đa dạng các loại hình và đã phủ kín các địa phương trong tỉnh. Hạ tầng thông tin liên lạc đáp ứng được nhu cầu trao đổi thông tin và giao lưu văn hoá của nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội, bảo đảm quốc phòng – an ninh.

Tuy nhiên, hệ thống cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh chưa được đầu tư đồng bộ, tính kết nối chưa cao, chưa đáp ứng tốt các yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội.

Em có biết?

Cầu Cổ Luỹ được khởi công từ năm 2017 và thông xe năm 2020, cầu và các tuyến đường dẫn có tổng chiều dài khoảng 3 700 m với tổng đầu tư khoảng 2 250 tỉ đồng, riêng chiều dài cầu hơn 1 800 m. Đây là cây cầu dây văng đầu tiên của tỉnh Quảng Ngãi.



Hình 2.2. Cầu Cổ Luỹ, thành phố Quảng Ngãi

Cầu Cổ Luỹ nằm trong quy hoạch tuyến đường ven biển Dung Quất – Sa Huỳnh. Đây là tuyến đường ven biển kết nối giữa Quảng Ngãi với các tỉnh Quảng Nam, Bình Định mở ra cơ hội lớn để thúc đẩy phát triển hạ tầng đô thị ven biển, phát triển du lịch, nhất là du lịch biển, đảo. Đồng thời, công trình là điểm nhấn kiến trúc, góp phần tạo động lực phát triển kinh tế – xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh trên địa bàn.



Đọc thông tin ở mục 4, trình bày những kết quả và hạn chế về cơ sở hạ tầng của tỉnh Quảng Ngãi.

5. Đường lối, chính sách

Đường lối chính sách có vai trò quan trọng thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế và tập hợp được mọi nguồn lực phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội. Từ khi thực hiện công cuộc đổi mới, với đường lối chính sách đúng đắn, cơ chế chính sách thông thoáng, môi trường kinh doanh đầu tư được cải thiện đã thu hút mạnh vốn đầu tư trong và ngoài nước. Kinh tế – xã hội của tỉnh Quảng Ngãi có những chuyển biến tích cực đạt được nhiều thành tựu như: tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, cơ sở hạ tầng được đầu tư theo hướng hiện đại, đời sống nhân dân có những cải thiện đáng kể,...

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá – hiện đại hoá, nâng cao chất lượng nguồn lao động và năng suất lao động, tăng cường ứng dụng thành tựu khoa học kĩ thuật vào trong mọi lĩnh vực, đẩy mạnh cải cách hành chính và chuyển đổi số,... là những nhiệm vụ và định hướng phát triển của tỉnh trong thời gian đến.



Đọc thông tin mục 5, trình bày vai trò của đường lối, chính sách trong phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Quảng Ngãi.

6. Thị trường và thương hiệu địa phương

Tỉnh Quảng Ngãi có dân số khá đông tạo ra thị trường tiêu thụ khá lớn. Trong những năm qua kinh tế của tỉnh phát triển khá nhanh, đời sống người dân ngày càng được nâng cao nên sức mua và nhu cầu sử dụng các dịch vụ tăng nhanh góp phần kích thích phát triển sản xuất và thu hút nguồn vốn của các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Thị trường nước ngoài ngày càng được mở rộng cả ở khu vực châu Á (ASEAN, Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan) và một số nước khác trên thế giới. Thị trường nước ngoài tạo cơ sở để phát triển sản xuất, đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng hàng hoá, xây dựng thương hiệu và thu về nguồn ngoại tệ cho tỉnh.

Quảng Ngãi có những thương hiệu truyền thống như: đường phèn, đường phôi, quế Trà Bồng, mạch nha Mộ Đức, cá bống Sông Trà,... được người tiêu dùng tin tưởng trên thị trường góp phần khai thác, phát huy các nguồn lực tự nhiên, kinh tế – xã hội của tỉnh. Những thương hiệu mới được các doanh nghiệp trong tỉnh hình thành, phát triển và đang đứng vững trên thị trường trong và ngoài nước như sữa đậu nành Vinasoy, bánh kẹo Biscafun, nước khoáng Thạch Bích, tỏi Lý Sơn, dầu khí Dung Quất,... Việc phát triển thương hiệu của tỉnh góp phần khai thác hiệu quả thế mạnh, đem lại nguồn thu và khẳng định vị thế của tỉnh, quảng bá hình ảnh địa phương.



Đọc thông tin ở mục 6, trình bày ý nghĩa của thị trường và thương hiệu địa phương đối với phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Quảng Ngãi.



LUYỆN TẬP

1. Vẽ sơ đồ thể hiện các nguồn lực kinh tế – xã hội của tỉnh Quảng Ngãi.
2. Vì sao các nguồn lực kinh tế – xã hội có vai trò quyết định đối với sự phát triển của tỉnh Quảng Ngãi?



VẬN DỤNG

Viết báo cáo ngắn gọn về việc khai thác và sử dụng một nguồn lực kinh tế – xã hội ở địa phương em.

Mục tiêu

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Trình bày được vai trò của công nghiệp đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Quảng Ngãi.
- Nêu được cơ cấu ngành công nghiệp; sản phẩm chủ lực của ngành công nghiệp; đặc điểm Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp của tỉnh Quảng Ngãi.



MỞ ĐẦU

Quảng Ngãi là một tỉnh thuộc Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, có lợi thế về vị trí địa lí, khí hậu, tài nguyên đa dạng phong phú, nguồn nhân lực dồi dào nên có nhiều tiềm năng, thế mạnh để phát triển kinh tế, nhất là công nghiệp.



Hình 3.1. Nhà máy lọc dầu Dung Quất



1. Vai trò của công nghiệp đối với sự phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Quảng Ngãi

Công nghiệp là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội. Năm 2022, tỉ trọng ngành công nghiệp – xây dựng chiếm trên 43,6% trong cơ cấu GRDP của tỉnh. Giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt trên 129 nghìn tỉ đồng, tăng 6,9% so với năm 2021.

Phát triển công nghiệp đã khai thác được lợi thế về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, thu hút đầu tư; đóng góp quan trọng, chủ lực vào sự tăng trưởng và quy mô kinh tế của tỉnh; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, ngày càng đạt trình độ và chất lượng cao.

Công nghiệp là lĩnh vực đột phá trong phát triển kinh tế của tỉnh, tạo ra khối lượng lớn vật chất là hàng hoá tiêu dùng, công cụ lao động và tư liệu sản xuất cho các ngành kinh tế, tăng năng suất lao động xã hội; tạo ra các sản phẩm xuất khẩu chất lượng cao, từng bước thúc đẩy sự phát triển của nhiều ngành kinh tế như nông nghiệp, giao thông vận tải, thương mại, du lịch và củng cố quốc phòng, an ninh.

Công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi đã và đang góp phần mở rộng sản xuất, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động trong tỉnh.



Dựa vào thông tin ở mục 1, trình bày khái quát vai trò của công nghiệp đối với sự phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Quảng Ngãi.

2. Cơ cấu ngành công nghiệp

Cơ cấu ngành công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi tương đối đa dạng, gồm bốn nhóm ngành: nhóm ngành chế biến, chế tạo; nhóm ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước; nhóm ngành khai khoáng; nhóm ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải. Trong đó, nhóm ngành chế biến, chế tạo đạt tỉ trọng rất cao, nhóm ngành khai khoáng chiếm tỉ trọng thấp, đã cho thấy công nghiệp của tỉnh phát triển đúng định hướng.

Bảng 3.1. Giá trị sản xuất và tỉ trọng công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi, năm 2021

Lĩnh vực	Giá trị sản xuất (tỉ đồng)	Tỉ trọng (%)
Toàn ngành công nghiệp	120 893,2	100
Nhóm ngành khai khoáng	373,8	0,31
Nhóm ngành chế biến, chế tạo	119 631,0	98,95
Nhóm ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước	660,4	0,55
Nhóm ngành cung cấp nước, hoạt động quản lí và xử lí rác thải	227,9	0,19

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ngãi, năm 2021)

Trong cơ cấu ngành công nghiệp hiện nay đang nổi lên một số ngành công nghiệp phụ trợ, đó là các ngành sản xuất nguyên liệu, vật liệu, linh kiện và phụ tùng để cung cấp cho sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh trong các lĩnh vực như: cơ khí, chế tạo (sản xuất kim loại, sản xuất các sản phẩm từ kim loại, sản xuất máy móc, thiết bị, sản xuất phụ tùng cho ngành công nghiệp ô tô, xe máy,...); dệt may, da giày (sản xuất sợi, phụ kiện ngành may, thuộc da, đế giày,...); điện tử – tin học (sản xuất linh kiện điện tử, sản xuất các thiết bị dẫn điện,...)



Dựa vào thông tin ở mục 2 và bảng 3.1, hãy:

- Trình bày cơ cấu ngành công nghiệp của tỉnh Quảng Ngãi.
- Cho biết ngành công nghiệp phụ trợ là gì? Trình bày một số ngành công nghiệp phụ trợ trong các lĩnh vực của tỉnh Quảng Ngãi.

3. Sản phẩm chủ lực của ngành công nghiệp

Sản phẩm công nghiệp của tỉnh Quảng Ngãi khá đa dạng. Các sản phẩm chủ lực của ngành công nghiệp không ngừng tăng nhanh và đạt giá trị cao.

Bảng 3.2. Một số sản phẩm chủ lực của ngành công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi, năm 2021

Sản phẩm	Đơn vị tính	Sản lượng
Lọc dầu	Tấn	6 373 243
Thép xây dựng	Nghìn tấn	5 479
Thuỷ sản chế biến	Tấn	10 672
Bánh kẹo các loại	Tấn	11 500
Sữa các loại (trên địa bàn tỉnh)	Nghìn lít	83 000
Bia	Nghìn lít	159 241
Nước khoáng và nước tinh khiết	Nghìn lít	95 000
Phân bón hoá học	Tấn	29 000
Gạch xây các loại	Nghìn viên	410 000
Đá khai thác các loại	Nghìn m ³	1 395
Tinh bột mì (trên địa bàn tỉnh)	Tấn	55 000
Quần áo may sẵn	Nghìn chiếc	11 600
Điện thương phẩm	Triệu kwh	2 000
Nước máy	Nghìn m ³	16 000
Dăm bột giấy	Tấn	1 120 000
Giày các loại	Nghìn đôi	13 000

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ngãi, năm 2021)



Dựa vào thông tin ở mục 3 và bảng 3.2, sắp xếp các sản phẩm chủ lực của công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi theo cơ cấu ngành công nghiệp và theo lĩnh vực ngành công nghiệp phụ trợ.

Em có biết?

Nhà máy lọc dầu Dung Quất cùng các tổ hợp hoá dầu hoạt động theo chu trình khép kín từ khâu lọc dầu đến khâu chế biến sâu theo các công nghệ hoá dầu. Hiện tại, Nhà máy lọc dầu Dung Quất đang có kế hoạch thực hiện đầu tư mở rộng nâng công suất lọc dầu và hoá dầu từ dầu mỏ. Vận hành và bảo dưỡng cho các công trình dầu khí; dịch vụ đào tạo, cung ứng nhân lực cho công tác quản lý điều hành, lắp đặt, vận hành và bảo dưỡng nhà máy lọc, hoá dầu; cung cấp vật tư phụ tùng, dịch vụ kho ngoại quan, dịch vụ vận tải dầu thô – dầu, hoá dầu sản phẩm, dịch vụ nhập khẩu uỷ thác, dịch vụ tài chính, bảo hiểm,... Phát triển các tổng kho, hệ thống kho tồn trữ, trung chuyển, phân phối các sản phẩm lọc dầu và hoá dầu; các trạm nạp khí hoá lỏng, các trạm dịch vụ xăng dầu; dịch vụ kĩ thuật công nghệ và cơ khí chế tạo trong công nghiệp lọc, hoá dầu khí và đây về thực chất cũng là lĩnh vực công nghiệp phụ trợ cho ngành lọc, hoá dầu.

(Nguồn: Quyết định số 2125/QĐ-UBND: Đề án tái cơ cấu ngành công nghiệp Quảng Ngãi đến năm 2030 và tầm nhìn 2045).

4. Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp của tỉnh Quảng Ngãi

a) Khu kinh tế Dung Quất^(*)

Khu kinh tế Dung Quất được định hướng phát triển thành một trong những trung tâm kinh tế biển năng động, với nền kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực quan trọng của quốc gia; lấy cảnh quan đô thị biển làm sức hấp dẫn, lấy nền tảng cơ sở hạ tầng phát triển để đẩy mạnh kinh tế biển, hướng đến sự thịnh vượng.

Khu kinh tế Dung Quất là khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực bao gồm: công nghiệp – thương mại – dịch vụ – du lịch – đô thị và nông – lâm – thủy sản. Trong đó, trọng tâm là công nghiệp lọc hoá dầu, công nghiệp hoá chất và công nghiệp nặng với các ngành chủ đạo: luyện cán thép, đóng tàu biển và các ngành công nghiệp khác gắn với việc khai thác cảng nước sâu. Đây cũng là khu vực phát triển đô thị; trung tâm lọc hoá dầu và năng lượng quốc gia; trung tâm công nghiệp, dịch vụ, du lịch của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghiệp – đô thị – dịch vụ trong Khu kinh tế Dung Quất có tổng diện tích khoảng 8 040 ha. Cụ thể:

– Khu công nghiệp Tây Dung Quất: khoảng 355 ha, với tính chất là phát triển đô thị dịch vụ, du lịch sinh thái gắn với dịch vụ hậu cần sân bay; phát triển nhà máy điện khí, phát triển công nghiệp công nghệ cao; công nghiệp nhẹ, công nghiệp hỗ trợ ngành hàng không; công nghiệp chế biến gỗ và vật liệu xây dựng; gắn với trung tâm

^(*) Nguồn: Quyết định 168/QĐ-TTg, ngày 28/2/2023.

logistics và dịch vụ hậu cần sân bay Chu Lai.

– Khu công nghiệp Đông Dung Quất: khoảng 2 205 ha, với tính chất là phát triển các ngành công nghiệp nặng và năng lượng như: dầu khí, luyện cán thép, đóng tàu; công nghiệp hỗ trợ; trung tâm dịch vụ hậu cần, kho bãi gắn với cảng biển Dung Quất.

– Khu công nghiệp Bình Hoà – Bình Phước I: khoảng 610 ha, với tính chất là phát triển công nghiệp nhẹ, công nghiệp phụ trợ.

– Khu công nghiệp Bình Hoà – Bình Phước II: khoảng 305 ha, với tính chất là phát triển công nghiệp nhẹ, công nghiệp phụ trợ.

– Khu công nghiệp Tịnh Phong: khoảng 138 ha. Ngành nghề thu hút đầu tư là cơ khí, vật liệu xây dựng, đồ gỗ xuất khẩu, điện tử, da giày, dệt may, vật liệu tổng hợp, các ngành công nghiệp phụ trợ.

– Khu công nghiệp VSIP: khoảng 582 ha. Ngành nghề thu hút đầu tư là thiết bị y tế, thực phẩm – nước giải khát, đồ nội ngoại thất, dịch vụ, may mặc, giày da, lắp ráp linh kiện điện tử và các ngành công nghiệp hỗ trợ.

– Khu công nghiệp – đô thị – dịch vụ Dung Quất I: khoảng 165 ha, với tính chất là khu vực phát triển đô thị, du lịch, dịch vụ phía Đông của đô thị Bình Sơn; trung tâm hành chính dịch vụ, nghiên cứu đào tạo của Khu kinh tế Dung Quất; đầu mối dịch vụ hạ tầng giao thông quan trọng phía Nam của Khu kinh tế Dung Quất gắn với bến cảng Sa Kỳ.

– Khu công nghiệp – đô thị – dịch vụ Dung Quất II: khoảng 1 085 ha, với tính chất là phát triển công nghiệp theo mô hình khu công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp xanh, công nghiệp sinh thái gắn với đô thị – dịch vụ phục vụ khu công nghiệp.

– Khu công nghiệp – đô thị – dịch vụ Bình Thanh: khoảng 2 500 ha, với tính chất là phát triển công nghiệp – đô thị – dịch vụ; phát triển công nghiệp đa ngành, công nghiệp công nghệ cao, thân thiện môi trường; gắn với khu đô thị – dịch vụ hỗ trợ.

– Các cụm công nghiệp:

+ Cụm công nghiệp Tịnh Phong: khoảng 75 ha.

+ Cụm công nghiệp Bình Nguyên: khoảng 20 ha.



Hình 3.2. Khu Công nghiệp Tịnh Phong



Dựa vào thông tin ở mục 4a, cho biết các ngành nghề thu hút đầu tư ở một số khu công nghiệp của tỉnh Quảng Ngãi.

b) Các khu công nghiệp khác

– Khu công nghiệp Quảng Phú (phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi), khoảng 146,76 ha, với tính chất là phát triển công nghiệp chế biến thực phẩm, sản xuất bao bì, thủy sản, sản xuất dầu ăn, bia – rượu, nước giải khát, đường, bánh kẹo, các loại sản phẩm sau đường,... và các ngành công nghiệp phụ trợ.

– Khu công nghiệp Phổ Phong (xã Phổ Phong, thị xã Đức Phổ), khoảng 157,38 ha, với tính chất là phát triển sản xuất vật liệu xây dựng; may mặc; công nghiệp hỗ trợ; các ngành công nghiệp chế biến sử dụng nguồn nguyên liệu địa phương như chế biến nông, lâm, thủy sản; công nghiệp nhẹ ít gây ô nhiễm môi trường.

c) Cụm công nghiệp

Tính đến năm 2022, trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có 23 cụm công nghiệp đã được hình thành và đi vào hoạt động.



Hình 3.3. Cụm Công nghiệp La Hà (huyện Tư Nghĩa)

Hoạt động của các cụm công nghiệp đã thúc đẩy phát triển công nghiệp ở địa bàn nông thôn, công nghiệp phục vụ nông nghiệp, khai thác tiềm năng, thế mạnh ở địa phương, giải quyết việc làm cho lao động tại chỗ, tạo nguồn thu tương đối cho ngân sách và góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các huyện, thị xã, thành phố theo hướng tăng tỉ trọng công nghiệp, dịch vụ,...

Các ngành nghề sản xuất chính tại các cụm công nghiệp bao gồm: sản xuất dăm gỗ nguyên liệu giấy; chế biến gỗ; dệt may; sản xuất gạch ngói không nung, nha glucose công nghiệp, phân bón NPK, phân vi sinh; đóng mới và sửa chữa tàu thuyền; sản xuất tấm lợp fibrocement, giấy cuộn kraft các loại, đũa tre tiện dụng, bánh tráng, tinh dầu trầm hương, chế biến muối tinh và muối iốt; sản xuất thùng xốp EPS;...

Bảng 3.3. Các cụm công nghiệp của tỉnh Quảng Ngãi, năm 2022

TT	Cụm công nghiệp	Phân bố
1	La Hà	Huyện Tư Nghĩa
2	Bình Nguyên	Huyện Bình Sơn
3	Thạch Trụ	Huyện Mộ Đức
4	Quán Lát	Huyện Mộ Đức
5	Đồng Dinh	Huyện Nghĩa Hành
6	Thị trấn Ba Tơ	Huyện Ba Tơ
7	Sa Huỳnh	Thị xã Đức Phổ
8	Phổ Phong	Thị xã Đức Phổ
9	An Hải	Huyện Lý Sơn
10	Sơn Hạ	Huyện Sơn Hà
11	Bình Long	Huyện Bình Sơn
12	Long Mai	Huyện Minh Long
13	Thạch Bích	Huyện Trà Bồng
14	Tịnh Ấn Tây	Thành phố Quảng Ngãi
15	Tịnh Bắc	Huyện Sơn Tịnh
16	Ba Động	Huyện Ba Tơ
17	Thị trấn Mộ Đức	Huyện Mộ Đức
18	Hành Đức – Hành Minh	Huyện Nghĩa Hành
19	An Sơn – Đức Lân	Huyện Mộ Đức
20	Đồng Làng	Thị xã Đức Phổ
21	Trương Quang Trọng	Thành phố Quảng Ngãi
22	Phổ Hoà	Thị xã Đức Phổ
23	Trị trấn Trà Xuân	Huyện Trà Bồng



Dựa vào thông tin ở mục 4b, hãy:

- Trình bày vai trò của cụm công nghiệp đối với các địa phương tỉnh Quảng Ngãi.
- Cho biết các ngành nghề sản xuất chính tại các cụm công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi.



LUYỆN TẬP

Cho bảng số liệu sau:

Bảng 3.4. Giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp và tỉ trọng sản xuất ngành lọc hoá dầu trong toàn ngành công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2010 – 2021

Năm	2010	2015	2019	2021
Giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp (tỉ đồng)	82 217	106 773	126 145	120 893
Tỉ trọng sản xuất ngành lọc hoá dầu trong toàn ngành công nghiệp (%)	91,39	83,04	72,10	58,32

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ngãi, năm 2021)

- Vẽ biểu đồ kết hợp (cột và đường) thể hiện sự thay đổi giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp và tỉ trọng sản xuất ngành lọc hoá dầu trong toàn ngành công nghiệp của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2010 – 2021.
- Nhận xét sự thay đổi giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp và tỉ trọng sản xuất ngành lọc hoá dầu trong toàn ngành công nghiệp của tỉnh Quảng Ngãi qua các năm.



VẬN DỤNG

Sưu tầm thông tin, hình ảnh về hoạt động của một ngành công nghiệp hoặc một cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

THÀNH TỰU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI TỪ NĂM 1989 ĐẾN NĂM 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2030

Mục tiêu

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Trình bày được những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi sau hơn 30 năm tái lập tỉnh.
- Hiểu được những định hướng về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian đến.
- Nhận thức được trách nhiệm của Đảng, chính quyền, doanh nghiệp để thực hiện có hiệu quả các định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi.
- Có thái độ trân trọng sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi.



MỞ ĐẦU

Tỉnh Quảng Ngãi được tái lập vào ngày 1/7/1989. Sau hơn 30 năm tái lập (1989 - 2023), trải qua các kì đại hội, Đảng bộ tỉnh đã đề ra nhiều chủ trương, giải pháp toàn diện, mang tính đột phá, mở đường cho kinh tế - xã hội phát triển, đưa Quảng Ngãi từ một tỉnh nghèo, thuần nông, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội yếu kém, thu nhập bình quân đầu người thấp,... trở thành tỉnh cơ bản thoát khỏi tình trạng kinh tế kém phát triển, GRDP bình quân đầu người tăng; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao.

Em có biết?

Quảng Ngãi xưa vốn là Cổ Lũy động. Năm 1402 chia thành châu Tư và châu Nghĩa trực thuộc phủ Thăng Hoa nước Đại Ngu. Năm 1471, vua Lê Thánh Tông hợp nhất hai châu thành phủ Tư Nghĩa.

Năm 1602, Nguyễn Hoàng đổi phủ Tư Nghĩa thành phủ Quảng Nghĩa. Năm 1776, nhà Tây Sơn đổi thành phủ Hoà Nghĩa. Năm 1805, vua Gia Long đổi thành phủ Tư Nghĩa, đồng thời đặt ra dinh Quảng Nghĩa, đến năm 1808, lại đổi thành trấn Quảng Nghĩa. Năm 1832, vua Minh Mệnh đổi thành tỉnh Quảng Nghĩa. Trong thời thuộc Pháp, tỉnh có tên gọi là Quảng Ngãi.

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945 đến trước ngày bầu cử Quốc hội khoá I (6/1/1946), tỉnh có tên gọi Lê Trung Đình, sau đó trở lại tên tỉnh Quảng Ngãi. Đến cuối năm 1975, tỉnh Quảng Ngãi hợp nhất với tỉnh Bình Định, lấy tên là tỉnh Nghĩa Bình.

Ngày 30/6/1989, kì họp thứ 5, Quốc hội khoá VIII ra Nghị quyết chia tách tỉnh Nghĩa Bình để tái lập tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Bình Định.



Hình 4.1. Cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi



Em hãy kể với bạn về những thay đổi của địa phương em ở thời điểm hiện tại so với khi em còn học cấp trung học cơ sở.

1. Những thành tựu nổi bật về tình hình phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Quảng Ngãi từ năm 1989 đến năm 2020

a) Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm tỉ trọng nông nghiệp

Sau hơn 30 năm, quy mô, cơ cấu kinh tế của tỉnh Quảng Ngãi đã có sự chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá với việc hình thành các khu kinh tế trọng điểm như: Khu kinh tế Dung Quất với nhà máy lọc hoá dầu Dung Quất; khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Quảng Ngãi; khu liên hợp gang thép Hoà Phát Dung Quất; Nhà máy Doosan Vina Quảng Ngãi,... Thu ngân sách trên địa bàn tỉnh tăng dần qua các thời kì, đạt nhiều kết quả vượt bậc, nhất là từ khi Nhà máy lọc dầu Dung Quất đi vào hoạt động.

Bảng 4.1. Quy mô và cơ cấu GRDP phân theo ngành của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 1989 – 2020

Năm	Tổng GRDP (tỉ đồng)	Tỉ trọng (%)		
		Nông – lâm – thủy sản	Công nghiệp – xây dựng	Dịch vụ
1989	2 588,8	55,7	16,5	27,8
2020	50 480,9	18,9	52,4	28,7

(Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Quảng Ngãi, năm 2020)



Hình 4.2. Khu kinh tế Dung Quất (huyện Bình Sơn)

Em có biết?

Năm 1994, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã kí quyết định xây dựng Nhà máy Lọc dầu số 1 Dung Quất tại Khu Kinh tế Dung Quất, thuộc địa bàn các xã Bình Thuận và Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Nhà máy có công suất chế biến: 6,5 triệu tấn dầu thô/năm. Theo Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 17/8/2009 (sau khi hoàn thành công tác xây dựng và chạy thử nhà máy): Phê duyệt tổng mức đầu tư là 3,053 tỉ USD, do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) làm chủ đầu tư.

Khởi công và sau gần 6 năm thi công (từ ngày 28/11/2005 đến ngày 6/1/2011), Nhà máy Lọc dầu Dung Quất được đưa vào vận hành. Hiện Nhà máy do Công ty TNHH một thành viên Lọc hoá dầu Bình Sơn (BSR) quản lí – nơi cung cấp khoảng 30% sản phẩm xăng, dầu cho thị trường trong nước.

Tháng 11/2022, Nhà máy Lọc dầu Dung Quất nâng công suất lên 112% (đây là lần tăng công suất thứ 5 trong năm 2022) đã góp phần giảm áp lực nguồn cung xăng dầu cho đất nước.

b) Cơ sở hạ tầng; ngành thương mại, dịch vụ không ngừng được mở rộng

Mặc dù có xuất phát điểm thấp, nhưng đến nay, Quảng Ngãi đã có bước phát triển về cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện,... Nhiều công trình giao thông quan trọng đã hoàn thành và đưa vào sử dụng như: mở rộng quốc lộ 1A; xây dựng đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi; đường ven biển Dung Quất – Sa Huỳnh; đường Mỹ Trà – Mỹ Khê, đường bờ Nam sông Trà Khúc. Bên cạnh đó, việc xây dựng các cây cầu mới như: cầu Trà Khúc 2, cầu Thạch Bích, cầu Cổ Lũy,... góp phần làm thay đổi diện mạo giao thông của tỉnh.

Ngành thương mại, dịch vụ có nhiều chuyển biến tích cực. Hàng hoá cung ứng trên thị trường ngày càng đa dạng, phong phú, mạng lưới phân phối được mở rộng và phủ khắp nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Cơ sở hạ tầng du lịch được tập trung đầu tư, phát triển nhiều điểm, khu du lịch mới như: Suối nước nóng Nghĩa Thuận, khu du lịch Bãi Dứa, Suối Chí – Thác Trắng,... Đặc biệt, Lý Sơn là một trong những địa điểm du lịch có tốc độ phát triển nhanh và thu hút lượng lớn du khách khi đến Quảng Ngãi.

c) Văn hoá – xã hội có nhiều tiến bộ, an sinh xã hội được bảo đảm

Sự nghiệp giáo dục – đào tạo được quan tâm, đầu tư; việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, công tác phổ cập giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực. Đến nay, hệ thống giáo dục từng bước hoàn thiện, đội ngũ cán bộ, giáo viên được đồng bộ về cơ cấu, chuẩn hoá về trình độ; cơ sở vật chất từng bước được đầu tư khang trang; chất lượng giáo dục ngày càng nâng lên.

Em có biết?

Nếu như năm 1989, tỉ lệ học sinh thi đậu các trường đại học, cao đẳng chỉ đạt 13%, thì đến năm 2018 đã tăng lên 48,5%. Năm 2016, Quảng Ngãi được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi và tiếp tục được duy trì đến nay.

Đến cuối năm 2020, toàn tỉnh có 43,75% trường mầm non; 80,00% trường tiểu học; 86,36% trường trung học cơ sở và 65,78% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia. Tỉ lệ học sinh đậu tốt nghiệp trung học phổ thông năm sau cao hơn năm trước.

Công tác y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng, hệ thống y tế từ tuyến tỉnh đến cơ sở đã được củng cố, hoàn thiện, tỉ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi giảm, tuổi thọ trung bình tăng.

Hoạt động văn hoá, văn nghệ ngày càng đa dạng, phong phú. Hệ thống văn hoá từ tỉnh đến cơ sở có bước phát triển; chú trọng khôi phục, phát huy các di sản, các giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp. Phong trào sinh hoạt văn hoá, văn nghệ ở cơ sở diễn ra sôi nổi, góp phần bảo tồn các giá trị văn hoá truyền thống ở địa phương.

Vấn đề giải quyết việc làm được đặc biệt quan tâm và đạt kết quả. Nội dung, phương thức, chương trình đào tạo nghề có nhiều đổi mới, đã gắn với nhu cầu của thị trường. Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng lao động ngành công nghiệp và dịch vụ. Các hình thức giao dịch việc làm được phát triển đa dạng như sàn giao dịch, hội chợ, ngày hội,... để người lao động có cơ hội tìm kiếm việc làm.

Công tác giảm nghèo có nhiều khởi sắc. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo được triển khai đồng bộ và đạt kết quả tích cực, đặc biệt là ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn. Chất lượng cuộc sống người dân có nhiều thay đổi, nhất là đối tượng thuộc chính sách bảo trợ xã hội; hầu hết các hộ nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội đều được tiếp cận và thụ hưởng chính sách của Nhà nước, nhất là cơ hội tiếp cận các dịch vụ sản xuất, tăng thu nhập và dịch vụ xã hội cơ bản khác.



Em hãy nêu một số thành tựu nổi bật về kinh tế – xã hội của tỉnh Quảng Ngãi từ năm 1989 đến năm 2020.

2. Định hướng phát triển về kinh tế – xã hội của tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030

a) Mục tiêu

Phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những mặt còn hạn chế, khơi dậy khát vọng phát triển, đưa tỉnh Quảng Ngãi vươn lên tầm cao mới. Phấn đấu đến năm 2025, trở thành tỉnh phát triển khá của vùng miền Trung; tạo tiền đề để đến năm 2030, trở thành tỉnh phát triển khá, có thu nhập bình quân đầu người ít nhất bằng mức bình quân cả nước. Trọng tâm là đẩy mạnh công nghiệp; phát triển nông nghiệp bền vững; đa dạng các ngành dịch vụ, du lịch; xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ, hiện đại; phát triển hài hoà giữa các vùng, miền; cải thiện môi trường đầu tư và bảo vệ môi trường bền vững.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo hướng ưu tiên thu hút các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch; chế biến, chế tạo; xử lý nước thải, rác thải; năng lượng tái tạo; công nghiệp hỗ trợ và các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động. Tập trung phát triển khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ VSIP Quảng Ngãi; khu Công nghiệp – Đô thị Dung Quất, khu công nghiệp nhẹ Bình Hoà – Bình Phước; khu công nghiệp Phổ Phong và phát triển khu Kinh tế Dung Quất trở thành một trong những khu kinh tế ven biển trọng điểm của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.

Phát triển nông nghiệp theo hướng chuyên sâu, bền vững; tập trung phát triển sản phẩm nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, năng suất cao, giá trị lớn và có khả năng xuất khẩu; hướng đến sản phẩm nông nghiệp của tỉnh tham gia vào chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng của khu vực, cả nước; chú trọng phát triển và khai thác rừng hợp lý; tập trung nuôi trồng các loại thủy sản có lợi thế, có tính cạnh tranh cao, thu hút đầu tư các cơ sở bảo quản, chế biến thủy sản; đào tạo nâng cao tay nghề cho lao động ở nông thôn; chuyển dịch lao động nông thôn sang lĩnh vực công nghiệp và các ngành khác.

Phát triển đa dạng các ngành dịch vụ và du lịch. Ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, tạo động lực phát triển Trung tâm Logistics khu vực cảng biển Dung Quất thuộc Khu Kinh tế Dung Quất, gắn liền và phục vụ hoạt động xuất nhập khẩu, hỗ trợ các hoạt động tiếp xúc, kết nối với các tỉnh thuộc Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung; đưa du lịch biển, đảo trở thành loại hình du lịch chủ đạo, lấy Lý Sơn làm hạt nhân; phát huy giá trị di sản của công viên địa chất toàn cầu Lý Sơn – Sa Huỳnh, Trường Luỹ, du lịch sinh thái ở núi Cà Đam, Gành Yến, suối

nước nóng Thạch Bích, Khu văn hoá Thiên Mã, Công viên Thiên Bút, Khu văn hoá Thiên Ân,... tạo sự kết nối đồng bộ với các khu, điểm du lịch, đồng thời phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông thôn ở những nơi có điều kiện.

Xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kinh tế – xã hội, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng công nghệ thông tin và phát triển đô thị. Hoàn thành các tuyến đường trọng điểm; đẩy nhanh tiến độ xây dựng hạ tầng đô thị thành phố Quảng Ngãi và kết cấu hạ tầng đô thị cấp huyện theo xu hướng phát triển đô thị thông minh, đô thị xanh; ưu tiên đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và an toàn, an ninh thông tin.

Trên cơ sở quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, triển khai phân bố không gian, định hướng đầu tư, phát triển kinh tế – xã hội của các vùng miền.

Em có biết?

Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhấn mạnh: Đối với miền núi, thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi, giảm nghèo bền vững; đối với đồng bằng, tập trung quy hoạch một số vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp chuyên canh, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp sinh thái; đối với biển đảo, phát triển kinh tế biển đồng bộ cả công nghiệp, dịch vụ, du lịch, nuôi trồng, khai thác, chế biến, logistics, trọng tâm là huyện Lý Sơn; đối với thành phố Quảng Ngãi, tập trung mở rộng về phía biển, phấn đấu đến năm 2030, trở thành đô thị loại I, kết nối với các đô thị lân cận để mở rộng không gian, tạo động lực phát triển của tỉnh trong khu vực Vùng và cả nước.



Hình 4.3. Một góc thị xã Đức Phổ

Trên cơ sở Nghị quyết số 867/NQ-UBTVQH14 của Ban thường vụ Quốc hội, thị xã Đức Phổ được thành lập. Thị xã có 372,76 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 150 927 người, gồm 8 phường và 7 xã.

Triển khai các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh. Thực hiện cải cách thủ tục hành chính; cải thiện các chỉ số tiếp cận đất đai, chi phí thời gian, cạnh tranh bình đẳng, gia nhập thị trường và đào tạo lao động; ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ công. Tập trung tháo gỡ vướng mắc trong thủ tục đầu tư, bồi thường, giải phóng mặt bằng, chuẩn bị sẵn quỹ đất sạch để tạo điều kiện triển khai các dự án; thu hút các dự án đầu tư có chất lượng, nhất là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Xây dựng, ban hành các tiêu chí về môi trường để sàng lọc, lựa chọn các dự án đầu tư và danh mục các ngành, lĩnh vực sản xuất tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường để hạn chế đầu tư ở tỉnh. Tăng cường quản lý, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông và hoạt động khai thác, vận chuyển và chế biến khoáng sản; giải quyết triệt để các vấn đề bức xúc liên quan đến rác thải, ô nhiễm môi trường, từng bước thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn, coi rác thải là tài nguyên.

Thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển kinh tế, xã hội, giảm nghèo bền vững; chú trọng phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Ưu tiên nguồn lực đầu tư cho một số xã điểm để sớm hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

Bên cạnh đó, tiếp tục thực hiện đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, đặc biệt là giáo dục nghề nghiệp, xây dựng con người Quảng Ngãi đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững. Thực hiện mời gọi và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư xây dựng bệnh viện đa khoa, chuyên khoa ngoài công lập; thu hút bác sĩ, dược sĩ có trình độ cao về tỉnh công tác. Thực hiện tốt các chính sách xã hội, an sinh xã hội; chăm lo đời sống người có công với cách mạng; giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững; tăng cường gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp...



Em hãy kể tên các ngành kinh tế mũi nhọn của Quảng Ngãi trong giai đoạn hiện nay.

3. Trách nhiệm của cấp ủy Đảng, chính quyền, doanh nghiệp để thực hiện có hiệu quả các định hướng phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Quảng Ngãi

– Tập trung rà soát các cơ chế, chính sách, các văn bản pháp luật đã ban hành từ năm 2010 đến nay để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn và đúng quy định pháp luật.

– Thúc đẩy nhanh quá trình triển khai quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo tính khoa học, tính liên tục, kế thừa, có tầm nhìn dài hạn và có tính kết nối.

- Triển khai huy động, phân bổ hiệu quả các nguồn lực xã hội.
- Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách ưu đãi người có công, trợ giúp xã hội, giảm nghèo, chăm sóc và trợ giúp người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, cứu trợ đột xuất.
- Thực hiện xã hội hoá công tác an sinh xã hội.



Theo em, người dân cần làm gì để góp phần xây dựng quê hương Quảng Ngãi ngày càng giàu đẹp?



LUYỆN TẬP

1. Lập bảng thống kê các thành tựu kinh tế – xã hội của tỉnh Quảng Ngãi từ năm 1989 đến năm 2020 theo gợi ý sau:

Lĩnh vực	Công nghiệp và xây dựng	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	Thương mại và dịch vụ	Văn hoá – xã hội

2. Em hãy liệt kê những lợi thế của tỉnh Quảng Ngãi để phát triển kinh tế du lịch biển, đảo trong giai đoạn hiện nay.
3. Những nhận định dưới đây là đúng hay sai? Vì sao?
 - a) Tỉnh Quảng Ngãi đã khai thác tối đa tiềm năng du lịch sẵn có.
 - b) Tỉnh Quảng Ngãi đang phấn đấu trở thành tỉnh có nền kinh tế công nghiệp theo hướng hiện đại.
 - c) Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, đặc biệt là giáo dục nghề nghiệp, xây dựng con người Quảng Ngãi đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững là mục tiêu của tỉnh Quảng Ngãi.
 - d) Mục tiêu mà tỉnh Quảng Ngãi hướng đến là đến năm 2030 trở thành tỉnh phát triển khá, có thu nhập bình quân đầu người ít nhất bằng mức bình quân cả nước.



VẬN DỤNG

Là một học sinh, em cần làm gì để góp phần phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Quảng Ngãi trong tương lai?

Mục tiêu

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Biết được phong trào thanh niên khởi nghiệp, lập thân và lập nghiệp ở tỉnh Quảng Ngãi.
- Phân tích, đánh giá được những phẩm chất cần thiết để khởi nghiệp, lập thân và lập nghiệp của thanh niên tại tỉnh Quảng Ngãi.
- Có định hướng ban đầu về lựa chọn ngành nghề của bản thân trong tương lai.



MỞ ĐẦU

Khởi nghiệp, lập thân và lập nghiệp là sứ mệnh rất quan trọng của thanh niên thời đại mới. Truyền cảm hứng tinh thần khởi nghiệp, lập thân và lập nghiệp cho thanh niên; đồng hành, hỗ trợ cho thế hệ trẻ khởi nghiệp thành công trên chính quê hương Quảng Ngãi là nhiệm vụ quan trọng mà các cấp chính quyền địa phương luôn quan tâm và thực hiện. Vì vậy, tỉnh Quảng Ngãi đã tạo điều kiện cho nhiều thanh niên từng sinh sống và học tập tại địa phương cũng như thanh niên khắp mọi miền có nguyện vọng khởi nghiệp, lập thân và lập nghiệp tại Quảng Ngãi trên nhiều lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội,... Với phẩm chất cần cù, năng động và sáng tạo, nhiều thanh niên Quảng Ngãi đã học tập, rèn luyện, chấp nhận thử thách; áp dụng khoa học công nghệ vào quá trình khởi nghiệp, tạo ra những sản phẩm có giá trị, đáp ứng nhu cầu đời sống và từng bước khẳng định vị thế của mình trong xã hội.

1. Phong trào thanh niên khởi nghiệp, lập thân và lập nghiệp ở tỉnh Quảng Ngãi

a) Những hoạt động của phong trào thanh niên khởi nghiệp, lập thân và lập nghiệp

Em có biết?

Ngày 10/4/2019, Ban Bí thư Trung ương Đoàn đã ban hành Quyết định số 223-QĐ/TWĐTN-ĐKTHTN về Đề án “Thanh niên khởi nghiệp giai đoạn 2019-2022”; ngày 04/3/2019 Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 259/QĐ-UBND phê duyệt kế hoạch “Xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025” đã khơi nguồn và tạo điều kiện cho phong trào này phát triển khá mạnh mẽ và đã đạt được những thành quả nhất định.



Hình 5.1. Gian hàng khởi nghiệp tiêu biểu của thanh niên Quảng Ngãi được trưng bày tại Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ngãi lần thứ 15, nhiệm kỳ 2022 – 2027

Từ năm 2019, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương trên địa bàn tỉnh đã hỗ trợ các dự án khởi nghiệp sáng tạo của các cá nhân và doanh nghiệp hoạt động thành công với mức tăng trưởng nhanh, đem lại

lợi nhuận bền vững, làm giàu cho bản thân và góp phần phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Hằng năm tổ chức các cuộc thi Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cấp tỉnh với nhiều doanh nghiệp tham gia, nhiều dự án, ý tưởng khởi nghiệp được đánh giá cao. Điển hình là một số dự án đạt giải nhất qua các năm như sau: Dự án “Sản xuất, kinh doanh máy nướng bánh bằng tia hồng ngoại” của tác giả Nguyễn Nở (năm 2019)¹; Dự án “Nuôi và phát triển sản phẩm vi tảo xoắn Spirulina” của Hợp tác xã Nông nghiệp Công nghệ cao Vạn Tường tại xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi (năm 2020)². Dự án “Sản xuất phân trùn quế và chế phẩm sinh học nấm Trichoderma phục vụ cho sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi” của Công ty TNHH MTV Công nghệ cao Huy Long (năm 2021)³; Dự án “Tắm lợp lấy sáng có ống thông gió để lắp quả cầu thông gió” của tác giả Đinh Tiến Hùng, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi (năm 2022)⁴.



Hình 5.2. Lễ tổng kết và trao giải Cuộc thi Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi - lần 2 - năm 2020

- (1) Quyết định số 345/QĐ-BTC ngày 08/11/2019 của Ban tổ chức Cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo lĩnh Quảng Ngãi lần thứ 1 – năm 2019;
- (2) Quyết định số 377/QĐ-BTC ngày 12/12/2020 của Ban tổ chức Cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi lần thứ 2 – năm 2020;
- (3) Quyết định số 252/QĐ-BTC ngày 18/10/2021 của Ban tổ chức Cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi lần thứ 3 – năm 2021;
- (4) Quyết định số 187/QĐ-BTC ngày 23/10/2022 của Ban tổ chức Cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi lần thứ 4 – năm 2022.

Để góp phần thúc đẩy phong trào khởi nghiệp, lập thân và lập nghiệp cho các bạn trẻ, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp cùng Tỉnh đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, các ban, ngành liên quan tổ chức nhiều hoạt động khởi nghiệp, hội nghị, hội thảo, diễn đàn, tập huấn,... Nhiều dự án, ý tưởng được hỗ trợ vốn và hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu, kết nối sản phẩm cho các doanh nghiệp khởi nghiệp được triển khai có hiệu quả.

Chính các dự án, ý tưởng khởi nghiệp triển khai có hiệu quả và sản phẩm được người tiêu thụ tin dùng đã tạo được niềm tin, sự lan tỏa và thu hút nhiều thanh niên trong tỉnh và ở các nơi tìm về quê hương để thực hiện ước mơ khởi nghiệp, lập thân và lập nghiệp thành công với những kết quả đáng tự hào.



Hãy nêu một số gương điển hình thành công trong khởi nghiệp, lập thân và lập nghiệp mà em biết ở địa phương mình? Theo em, những phẩm chất cần thiết nào đã giúp những gương điển hình đó thành công trong khởi nghiệp, lập thân và lập nghiệp?

b) Những phẩm chất cần thiết để thanh niên khởi nghiệp, lập thân và lập nghiệp thành công ở tỉnh Quảng Ngãi

- Không ngừng trau dồi tri thức, đạo đức, lối sống, nhân cách, kĩ năng sống.
- Rèn luyện sức khỏe.
- Chủ động, tích cực, sáng tạo để phát triển mình và phát triển xã hội.
- Có tinh thần tự giác, kỉ luật cao.
- Có tinh thần cầu tiến, dám mạo hiểm, sẵn sàng chấp nhận rủi ro.
- Có quan hệ tốt đẹp với mọi người, sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm của mình với người khác,...



Từ những gương thành công trên, em hãy nêu những biểu hiện của sự thành công trong nghề nghiệp. Xác định những kĩ năng thiết yếu và điều kiện để thành công trong nghề nghiệp.

2. Điều kiện để thành niên thành công trong nghề nghiệp

a) Những biểu hiện của việc thành công trong nghề nghiệp

- Năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc cao.
- Có nhiều cải tiến, kinh nghiệm, sáng kiến, sáng chế.
- Có sự thăng tiến về chức vụ, địa vị,...
- Có uy tín đối với người xung quanh, được Nhà nước và xã hội công nhận.

b) Các kĩ năng thiết yếu và điều kiện để thành công trong nghề nghiệp

Người thành công trong nghề nghiệp là người sở hữu những kĩ năng thiết yếu, bao gồm 3 nhóm sau:

+ *Nhóm kĩ năng cơ bản*: kĩ năng giao tiếp, ứng xử; quản lí thông tin; giải quyết vấn đề phát sinh.

+ *Nhóm kĩ năng quản lí bản thân*: kĩ năng biểu hiện thái độ và hành vi lạc quan, linh hoạt, học hỏi liên tục, làm việc an toàn.

+ *Nhóm kĩ năng làm việc nhóm*: kĩ năng làm việc với người khác; tham gia dự án và công việc với tinh thần hợp tác hiệu quả.

Các điều kiện để thành công trong nghề nghiệp:

+ Phải có sở thích, đam mê và hứng thú với công việc; có khả năng, bản lĩnh, trí tuệ và sức khoẻ. Đồng thời biết được giá trị, ý nghĩa của nghề nghiệp đối với bản thân và cộng đồng.

+ Phải có hiểu biết về tình hình kinh tế thị trường, tìm ra vị trí của mình trong thị trường lao động. Từ đó, xây dựng kế hoạch nghề nghiệp trước mắt và lâu dài, có những điều chỉnh hợp lí trong từng giai đoạn thực hiện.

+ Thường xuyên tu dưỡng, nâng cao đạo đức và tinh thần trách nhiệm trong công việc; luôn đào sâu suy nghĩ; học tập và cập nhật kiến thức mới bằng nhiều con đường khác nhau để nâng cao trình độ chuyên môn; rèn luyện các kĩ năng làm việc, kĩ năng xây dựng mạng lưới làm việc cho bản thân.



Theo em, trong những điều kiện để thành công trong nghề nghiệp thì điều kiện nào là “chìa khoá” quyết định? Vì sao?



LUYỆN TẬP

1. Hãy phân tích một phẩm chất mà em cho là cần thiết nhất để tuổi trẻ Quảng Ngãi rèn luyện nhằm khởi nghiệp, lập thân và lập nghiệp.
2. Tự đánh giá những thế mạnh, khó khăn của bản thân em để chuẩn bị cho việc khởi nghiệp, lập thân và lập nghiệp trong tương lai.



VẬN DỤNG

1. Sau khi tốt nghiệp THPT, em chọn con đường tiếp tục học tập hay trực tiếp tham gia lao động sản xuất? Nêu nguyên nhân về việc lựa chọn trên.

Gợi ý:

Một số lựa chọn khi tiếp tục học tập	Một số hình thức trực tiếp tham gia lao động sản xuất
– Đại học, Cao đẳng	– Tham gia lao động nông nghiệp cùng gia đình
– Các trường Trung học chuyên nghiệp	– Tham gia lao động tại một cơ sở sản xuất ở địa phương hoặc nơi khác
– Các trường đào tạo công nhân kỹ thuật (trường Dạy nghề)	– Làm kinh tế gia đình (may mặc, dịch vụ ăn uống, buôn bán nhỏ, ...)

2. Hãy xây dựng một kế hoạch học tập, rèn luyện theo định hướng nghề nghiệp lựa chọn cho tương lai của bản thân.

- Mục tiêu của kế hoạch học tập, rèn luyện: ...
- Thông tin chung về ngành, nghề lựa chọn:
 - + Tên ngành, nghề lựa chọn: ...
 - + Yêu cầu ngành, nghề lựa chọn: ...
 - + Trường đào tạo (hoặc cơ sở đào tạo,...): ...
 - + Hình thức tuyển sinh: ...
 - + Yêu cầu về học vấn, chứng chỉ, bằng cấp: ...
- Kế hoạch thực hiện:

Các môn học để thi tuyển	Dự kiến kết quả	Thời gian thực hiện	Biện pháp thực hiện	Người hỗ trợ
.....

Mục tiêu

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Nêu được những di sản văn hoá vật thể tiêu biểu của tỉnh Quảng Ngãi.
- Nhận xét được về công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá vật thể của tỉnh Quảng Ngãi.
- Biết cách sưu tầm tài liệu để giới thiệu về một di sản văn hoá vật thể tiêu biểu của tỉnh Quảng Ngãi.
- Có ý thức trân trọng, giữ gìn, đề xuất được một số giải pháp phù hợp để góp phần bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá vật thể của tỉnh Quảng Ngãi.



MỞ ĐẦU



Hình 6.1. Bảng xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt
Địa điểm về cuộc khởi nghĩa Ba Tơ

Em có biết?

Di sản văn hoá vật thể là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, bao gồm di tích lịch sử – văn hoá, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia. (Khoản 2, Điều 4, Luật Di sản văn hoá 2013)

Nhân kỉ niệm 73 năm ngày khởi nghĩa Ba Tơ (11/3/1945 – 11/3/2018), ngày 9/3/2018, tỉnh Quảng Ngãi tổ chức Lễ đón Bằng xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt Di tích lịch sử Địa điểm về cuộc khởi nghĩa Ba Tơ theo Quyết định số 2082/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Trước đó, năm 1980, quần thể di tích văn hoá vật thể về các địa điểm cuộc khởi nghĩa Ba Tơ và Đội du kích Ba Tơ đã được Bộ Văn hoá – Thông tin (nay là Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch) công nhận, xếp hạng và cấp Bằng Di tích Lịch sử – Văn hoá quốc gia. Tháng 8/2013, Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định công nhận các xã: Ba Vinh, Ba Giang, Ba Động, Ba Chùa, Ba Thành và thị trấn Ba Tơ thuộc vùng “An toàn khu của Trung ương ở Quảng Ngãi” trong thời kì chống Pháp. Những sự kiện trên cho thấy sự đóng góp của mảnh đất và con người Ba Tơ trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc, đồng thời góp phần khẳng định được giá trị to lớn của các di sản văn hoá vật thể tỉnh Quảng Ngãi trên bản đồ văn hoá Việt Nam.



Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về các di sản văn hoá vật thể tiêu biểu của tỉnh Quảng Ngãi và nhận xét về công tác bảo tồn, phát huy giá trị của các di sản văn hoá vật thể của tỉnh Quảng Ngãi hiện nay.



KIẾN THỨC MỚI

1. Khái quát di sản văn hoá vật thể của tỉnh Quảng Ngãi

Với bề dày lịch sử và văn hoá lâu đời, vùng đất Quảng Ngãi hiện diện rất nhiều di sản văn hoá vật thể nổi tiếng gồm các di tích lịch sử – văn hoá, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia,...

Trong lịch sử hình thành, phát triển, đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm, nhân dân Quảng Ngãi qua các thế hệ đã xây dựng và gìn giữ những di tích lịch sử như: Thành cổ Châu Sa, di tích Bảo tàng cuộc khởi nghĩa Ba Tơ, Khu Chứng tích Sơn Mỹ, các di tích di tích cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, di tích chiến thắng Vạn Tường, Ba Gia,...

Nhân dân Quảng Ngãi còn thể hiện truyền thống uống nước nhớ nguồn qua những công trình thờ tự các vị tướng tài ba, danh nhân văn hoá đã có những đóng góp to lớn trong công cuộc xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước. Cho đến nay các công trình ấy đã trở thành những di sản văn hoá vật thể có giá trị tinh thần vô cùng to lớn như: Khu Lưu niệm Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Đền thờ Anh hùng dân tộc Trương Định, di tích Bệnh xá Đặng Thuỳ Trâm,...

Kho tàng di sản văn hoá vật thể của quê hương Quảng Ngãi lại càng phong phú và đặc sắc hơn khi được thiên nhiên ban tặng nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng như: Núi Ấn – Sông Trà, Cổ Lũy cô thôn, bãi biển Sa Huỳnh, Mỹ Khê, Thác Trắng Minh Long, núi Cà Đam, Chùa Hang, núi Giếng Tiền, núi Thới Lới,...

Em có biết?

Để khắc ghi công lao to lớn của Anh hùng dân tộc Trương Định, một người con của quê hương Quảng Ngãi trong cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược vào nửa cuối thế kỷ XIX, năm 2007 Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi cho xây dựng lại Đền thờ Anh hùng dân tộc Trương Định với diện tích khoảng 2 ha, thuộc xóm Khê Thuận, xã Tịnh Khê. Đền thờ Anh hùng dân tộc Trương Định có 3 khu chính, gồm: Khu chánh điện thờ linh vị, Khu tiếp khách và Khu trưng bày hiện vật liên quan đến cuộc đời, sự nghiệp của ông. Ngày 27/2/2023, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã có quyết định xếp hạng Di tích quốc gia đối với Đền thờ Anh hùng dân tộc Trương Định, tại xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.



Hình 6.2. Đền thờ Anh hùng dân tộc Trương Định (xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi)



Hình 6.3. Thắng cảnh Gành Yến (xã Bình Hải, huyện Bình Sơn)



Hình 6.4. Khu di tích Bệnh xá Đặng Thuỳ Trâm (thị xã Đức Phổ)



Hình 6.5. Trước cửa Chùa Hang (huyện Lý Sơn)



Hãy kể tên một số di sản văn hoá vật thể tiêu biểu ở tỉnh Quảng Ngãi mà em từng được đến thăm quan.

2. Một số di sản văn hoá vật thể tiêu biểu của tỉnh Quảng Ngãi

a) Khu Chứng tích Sơn Mỹ

Khu Chứng tích Sơn Mỹ, nằm cạnh quốc lộ 24B, thuộc địa phận thôn Tư Cung, xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, cách trung tâm thành phố Quảng Ngãi khoảng 12 km về phía đông bắc. Đây vừa là nơi gìn giữ một khu vực chứng tích hiện trường, vừa là nơi trưng bày hình ảnh, hiện vật và đặt tượng đài tưởng niệm 504 nạn nhân vụ thảm sát Sơn Mỹ, hay còn gọi là vụ thảm sát Mỹ Lai.

Vụ thảm sát Sơn Mỹ xảy ra ngày 16/3/1968 (nhằm ngày 18/2 năm Mậu Thân). Đơn vị chủ lực gây ra sự kiện đẫm máu, làm chấn động dư luận thế giới là trung đội 1 (do Trung úy William Calley làm Trung đội trưởng), thuộc đại đội Charlie (Đại đội trưởng là Đại úy Ernest Medina), một trong ba đại đội của Lực lượng đặc nhiệm Barker (Task Force Barker), lữ đoàn 11, sư đoàn Armerical, quân viễn chinh Mỹ.

Nhà Chứng tích được xây dựng từ tháng 9/1975 và đến ngày 16/3/1977 chính thức cất bằng khánh thành. Ngày 29/4/1979, Khu Chứng tích Sơn Mỹ đã được Bộ Văn hoá – Thông tin (nay là Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch) xếp hạng Di tích lịch sử văn hoá quốc gia.



Hình 6.6. Một số hình ảnh tại Khu chứng tích Sơn Mỹ

b) Khu Lưu niệm Thủ tướng Phạm Văn Đồng

Khu Lưu niệm Thủ tướng Phạm Văn Đồng tọa lạc tại làng Thi Phổ, xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, cách trung tâm thành phố Quảng Ngãi khoảng 20 km về phía nam. Khu Lưu niệm gồm 2 điểm di tích: nhà lưu niệm, nơi Thủ tướng Phạm Văn Đồng sinh ra, lớn lên; nhà bà Phạm Thị Sinh, nơi Thủ tướng Phạm Văn Đồng sau khi ra tù đã ở, bắt liên lạc với tổ chức để hoạt động cách mạng.

Khu Lưu niệm không chỉ là nơi bảo tồn, lưu giữ những kỉ vật quý báu liên quan đến cuộc đời, sự nghiệp của Thủ tướng Phạm Văn Đồng mà còn là nơi giáo dục, bồi dưỡng truyền thống cách mạng của dân tộc, của quê hương đối với các thế hệ mai sau.

Hiện nay, Khu lưu niệm còn là một điểm thăm quan có ý nghĩa lịch sử – văn hoá tiêu biểu của tỉnh Quảng Ngãi. Hằng năm, vào những ngày kỉ niệm, lễ tết,... hàng ngàn lượt du khách trong tỉnh và trên cả nước đã đến thăm quan, viếng hương tưởng nhớ Thủ tướng Phạm Văn Đồng – một chiến sĩ cách mạng kiên trung, một người con ưu tú của quê hương, đất nước.

Khu Lưu niệm Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã được Bộ Văn hoá – Thông tin (nay là Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch) xếp hạng Di tích lịch sử – Văn hoá quốc gia, tại Quyết định số 27-QĐ ngày 21/2/2006.



Hình 6.7. Khu Lưu niệm Thủ tướng Phạm Văn Đồng

c) Thắng cảnh Thiên Ân Niêm Hà và mộ cụ Huỳnh Thúc Kháng

Núi Thiên Ân nằm ở phía bắc sông Trà Khúc, cách quốc lộ 1 không xa, nằm cạnh quốc lộ 24B, cách trung tâm thành phố Quảng Ngãi hơn 3 km về hướng đông bắc. Núi Thiên Ân cao 106 mét so với mực nước biển, dáng núi hình thang cân, nhìn từ hữu ngạn Sông Trà, tựa như chiếc ấn của trời niêm xuống dòng sông, vì vậy người xưa gọi đây là “Thiên Ân Niêm Hà” (ấn trời đóng trên sông) với niềm tin đây là ngọn núi thiêng chi phối lịch sử và con người Quảng Ngãi. Đỉnh núi Thiên Ân bằng phẳng, rộng khoảng 10 ha, tạo thế nhìn bao quát một vùng không gian rộng lớn; những ruộng đồng, đồi núi, sông nước, làng mạc hợp thành một bức tranh phong cảnh hữu tình. Dưới bóng lùm cây cổ thụ, chiếm một diện tích tương đối lớn là ngôi chùa cổ Thiên Ân, được xây dựng vào cuối thế kỉ XVII và khu viên mộ với các lăng mộ hình tháp.

Cách ngôi chùa không xa, về phía tây nam là mộ cụ Huỳnh Thúc Kháng (1876 – 1947). Cụ Huỳnh Thúc Kháng là một nhà báo nổi tiếng, sáng lập và chủ bút báo *Tiếng Dân*, tác giả *Thi tù tùng thoại* và nhiều văn phẩm có giá trị về văn học, lịch sử, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Chính phủ Liên hiệp Kháng chiến, Quyền Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong thời gian Chủ tịch Hồ Chí Minh sang Pháp dự hội nghị Phông-ten-nơ-blô. Mộ cụ Huỳnh là sự kết hợp hài hoà kiến trúc hiện đại và truyền thống lăng mộ Đông Phương, ngôi mộ vừa có nét đơn giản, vừa có sự trang trọng nghiêm kính, gắn bó hài hoà với tổng thể cảnh quan Thiên Ân.

Thắng cảnh núi Thiên Ân và mộ cụ Huỳnh Thúc Kháng được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch cấp bằng công nhận Di tích lịch sử văn hoá quốc gia năm 1990.



Hình 6.8. Thắng cảnh Thiên Ân Niêm Hà



Hình 6.9. Mộ cụ Huỳnh Thúc Kháng

d) Di tích quốc gia đặc biệt Văn hoá Sa Huỳnh

Di tích khảo cổ học Văn hoá Sa Huỳnh được phân bố chủ yếu ở di tích Long Thạnh, di tích Thạnh Đức thuộc phường Phổ Thạnh và di tích Phú Khương thuộc xã Phổ Khánh, thị xã Đức Phổ. Từ khu mộ chum Sa Huỳnh, các nhà khảo cổ học người Pháp qua các đợt khai quật đã liên tục phát hiện các dấu vết của một nền văn hoá thời tiền sử, tìm thấy khoảng 500 mộ chum có chứa nhiều loại đồ tuỳ táng phân bố dọc các tỉnh Duyên hải miền Trung, Đông Nam Bộ và Tây Nguyên. Theo các nhà khảo cổ, căn cứ vào các hiện vật Văn hoá Sa Huỳnh được phát hiện tại tỉnh Quảng Ngãi như: mộ chum được làm bằng đất nung, đồ gốm tô màu trang trí, có kèm đồ trang sức quý gồm các chuỗi hạt, khuyên tai ba châu,... đặc biệt là phương thức mộ chum, một số dụng cụ bằng đồng, sắt, đã xác định có niên đại khoảng 2 500 năm. Từ những hiện vật phát hiện trong quá trình khai quật khảo cổ tại các tỉnh Duyên hải miền Trung, Đông Nam Bộ và Tây Nguyên cho thấy, Quảng Ngãi được xem là cái nôi của Văn hoá Sa Huỳnh. Sa Huỳnh gần như là nơi duy nhất còn giữ lại được không gian sinh tồn của người cổ Sa Huỳnh, từ môi trường sinh thái, địa lí nhân văn, địa chất địa mạo,... Đây là nguồn tài nguyên quý hiếm, là “bảo tàng sống” cho công tác nghiên cứu và phát triển du lịch bền vững.

Từ những giá trị đặc biệt nêu trên, Di tích Khảo cổ Văn hoá Sa Huỳnh đã được Bộ Văn hoá – Thông tin (nay là Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch) xếp hạng là Di tích cấp quốc gia tại Quyết định số 3457-VH/QĐ ngày 05/11/1997. Ngày 29/12/2022, Thủ tướng Chính phủ đã kí Quyết định số 1649/QĐ-TTg về việc xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt đối với Di tích Khảo cổ Văn hoá Sa Huỳnh, ở thị xã Đức Phổ (Quảng Ngãi).



Hình 6.10. Khu Di tích quốc gia đặc biệt Văn hoá Sa Huỳnh



Hình 6.11. Lễ công bố và đón nhận Bảng xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt Văn hoá Sa Huỳnh



Chọn một di sản văn hoá vật thể tiêu biểu của tỉnh Quảng Ngãi và giới thiệu về di sản đó.

3. Công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá vật thể của tỉnh Quảng Ngãi

Tính đến ngày 30/12/2022, toàn tỉnh có 254 di tích lịch sử – văn hoá và danh lam thắng cảnh trong đó: 2 di tích quốc gia đặc biệt, 32 di tích cấp quốc gia, 153 di tích cấp tỉnh, 69 di tích có Quyết định bảo vệ và đăng kí bảo vệ.

Trong thời gian qua, công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di tích được các cấp uỷ đảng, chính quyền trong tỉnh quan tâm và bước đầu có những kết quả đáng khích lệ. Một số di tích được tu bổ, trùng tu đã phát huy được hiệu quả và thu hút được sự tham gia hưởng ứng của cán bộ và nhân dân, cũng như du khách trong và ngoài tỉnh như: di tích Khu Chứng tích vụ thảm sát Sơn Mỹ, Khu Lưu niệm Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Khu Di tích Đội Hoàng Sa – Bắc Hải, Khu Di tích mộ và nhà thờ Trần Quốc công Bùi Tá Hán,... Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và quảng bá, giới thiệu về các di tích được thực hiện thường xuyên, liên tục trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tỉnh Quảng Ngãi đã quan tâm tổ chức nhiều hoạt động văn hoá, du lịch gắn với các di tích đã nhận được sự đồng tình, hưởng ứng của các địa phương có di tích.



Hình 6.12. Khu Di tích mộ và nhà thờ
Trần Quốc công Bùi Tá Hán
(thành phố Quảng Ngãi)



Hình 6.13. Đường vào Khu Di chỉ Văn hoá
Sa Huỳnh (thị xã Đức Phổ)

Tuy nhiên, công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử – văn hoá và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh gặp nhiều khó khăn như: nguồn kinh phí để bảo quản, tu bổ, phục hồi còn hạn hẹp; tình trạng xâm hại, lấn chiếm các di tích ở một số địa phương còn xảy ra; chưa huy động được nhiều nguồn lực của các tổ chức chính trị, xã hội và nhân dân tham gia bảo vệ, phát huy các di tích tại địa phương; việc phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch chưa xứng với tiềm năng và giá trị các di tích trên địa bàn tỉnh;...



Nhận xét những điểm tích cực, hạn chế trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá vật thể của tỉnh Quảng Ngãi.



LUYỆN TẬP

- Em hãy lập bảng thống kê về một số di sản văn hoá vật thể tiêu biểu ở tỉnh Quảng Ngãi được giới thiệu trong bài học theo các gợi ý sau:

TT	Tên di sản	Địa điểm	Năm được công nhận	Giá trị nổi bật
1	?	?	?	?
2	?	?	?	?
3	?	?	?	?
...	?	?	?	?

2. Theo em, mỗi học sinh có thể tham gia những hoạt động nào để góp phần vào công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá vật thể của tỉnh Quảng Ngãi hiện nay?



VẬN DỤNG

1. Chọn một di sản văn hoá vật thể tiêu biểu ở tỉnh Quảng Ngãi đã được xếp hạng cấp quốc gia và thuyết minh những đặc điểm, giá trị của di sản ấy.
2. Thực hiện dự án trải nghiệm thực tế: lập kế hoạch bảo tồn một di sản văn hoá vật thể gắn với cộng đồng nơi em sinh sống. (Thời gian, địa điểm, hoạt động cụ thể, kết quả thu được...)

Mục tiêu

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Trình bày được khái niệm bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.
- Trình bày việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở tỉnh Quảng Ngãi.
- Đề xuất được một số giải pháp bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm các nguồn tài nguyên.
- Tích cực tham gia các hoạt động góp phần bảo vệ môi trường ở địa phương.



MỞ ĐẦU

Môi trường thiên nhiên có ý nghĩa lớn đối với sự phát triển kinh tế – xã hội và đời sống của con người. Việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững góp phần phát triển kinh tế – xã hội của một địa phương nói riêng và cả đất nước nói chung.



Nêu những hoạt động bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở địa phương mà em biết.



KIẾN THỨC MỚI

1. Khái niệm bảo vệ môi trường và phát triển bền vững

Môi trường bao gồm các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, kinh tế, xã hội, sự tồn tại, phát triển của con người, sinh vật và tự nhiên (*Luật Bảo vệ môi trường năm 2020*).

Bảo vệ môi trường là hoạt động phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường; sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu (*Luật Bảo vệ môi trường năm 2020*). Bảo vệ môi trường chính là bảo vệ chất lượng của từng thành phần môi trường: đất, rừng, nguồn nước,

nguồn lợi thủy sản, đa dạng sinh học,... là trách nhiệm của tất cả mọi người.

Phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng của các thế hệ tương lai trên cơ sở kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường (Liên hiệp quốc năm 1987).

2. Thực trạng bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở tỉnh Quảng Ngãi

Môi trường ở tỉnh Quảng Ngãi đang chịu nhiều áp lực từ các hoạt động phát triển kinh tế – xã hội và sự cạnh tranh của quá trình hội nhập quốc tế. Ô nhiễm môi trường đã và đang trở thành một trong những vấn đề cấp bách được sự quan tâm của toàn xã hội. Các nguồn ô nhiễm, nếu không được đánh giá một cách đầy đủ, toàn diện và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát hiệu quả thì sẽ là những nguy cơ tác động rất lớn đến môi trường và các hệ sinh thái trên các con sông (sông Trà Câu, sông Vệ, sông Trà Khúc, sông Trà Bồng), hệ sinh thái ven biển, đến các nguồn tài nguyên nước, đất, sinh vật,... Trước những thực trạng trên, tỉnh Quảng Ngãi đã rất quan tâm công tác bảo vệ môi trường và phát triển bền vững thông qua các chính sách và hoạt động ý nghĩa sau đây:

a) Tuyên truyền phổ biến chính sách, pháp luật bảo vệ môi trường và phát triển bền vững

Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về môi trường được các cơ quan chức năng tiến hành thường xuyên. Các chuyên mục về môi trường trên Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh, Đài Truyền thanh huyện, thị xã, thành phố không ngừng tăng thời lượng và cải tiến nội dung. Hàng quý có bản tin về môi trường do Sở Tài nguyên và Môi trường phát hành,... nhờ đó, nhận thức của cộng đồng trong việc bảo vệ môi trường ngày càng nâng cao.



Hình 7.1. Biển tuyên truyền bảo vệ môi trường ở Gành Yến (xã Bình Hải, huyện Bình Sơn)



Quan sát hình và cho biết việc tuyên truyền này có nghĩa gì đối với môi trường sống?

b) Đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường và phát triển bền vững

Hàng năm, tỉnh Quảng Ngãi luôn dành một phần kinh phí từ nguồn ngân sách đầu tư phát triển chi cho sự nghiệp bảo vệ môi trường. Năm 2022, tổng số ngân sách nhà nước chi cho hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường là 100 101 triệu đồng, trong đó nguồn kinh phí cấp cho các huyện là 75 132 triệu đồng, cấp cho Sở Tài nguyên Môi trường là 8 547 triệu đồng, cấp cho Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất là 14 392 triệu đồng, cấp cho Sở Y tế là 1 700 triệu, cấp cho Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi là 330 triệu đồng.

Tính đến năm 2022, toàn tỉnh có 04 nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt và có 10 bãi chôn lấp hợp vệ sinh ở các huyện Ba Tư, Tư Nghĩa, Bình Sơn, Đức Phổ, Sơn Hà, Minh Long.

Tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục triển khai đầu tư, xây dựng các cơ sở xử lý, bãi chôn lấp như sau: Bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa; Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt huyện Lý Sơn; Bãi chôn lấp chất thải rắn Đồng Nà, xã Tịnh Thiện, thành phố Quảng Ngãi; Nhà máy xử lý chất thải rắn Sơn Hà; Hồ chôn lấp rác hợp vệ sinh, trồng cây xanh cách li tại xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa; Khu xử lý rác thải thị trấn Trà Xuân, huyện Trà Bồng,...

Các Khu công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung như: Phân khu công nghiệp Sài Gòn - Dung Quất, Khu VSIP, Khu công nghiệp Quảng Phú, Khu công nghiệp Tịnh Phong, Khu kinh tế Dung Quất. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp trong Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi đã xây dựng, vận hành hệ thống xử lý nước thải riêng của từng dự án và đáp ứng các quy chuẩn môi trường theo quy định của pháp luật trước khi xả thải ra môi trường như: Nhà máy lọc dầu Dung Quất, nhà máy đường Quảng Ngãi,...



Hình 7.2. Bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa



Hình 7.3. Khu Liên hiệp xử lý chất thải EME Dung Quất



Quan sát hình 7.2, hình 7.3 và cho biết sự khác nhau về cách xử lý rác thải ở hai khu vực trên?

c) Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải

Công tác thu gom và vận chuyển chất thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi do các công ty dịch vụ môi trường, hợp tác xã vệ sinh môi trường hoặc các tổ, đội vệ sinh tại các địa phương thực hiện cụ thể như sau: Công ty Cổ phần Cơ – Điện – Môi trường Lilama thu gom và vận chuyển chất thải rắn cho huyện Bình Sơn và Khu Kinh tế Dung Quất; Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi thu gom vận chuyển chất thải cho thành phố Quảng Ngãi; Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Xây dựng Đa Lộc thu gom vận chuyển chất thải cho huyện Lý Sơn,...

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn tỉnh khoảng 296.722,69 tấn/năm, trong đó khu vực đô thị phát sinh khoảng 70.941,11 tấn/năm, khu dân cư nông thôn phát sinh khoảng 225.781,59 tấn/năm. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, vận chuyển và xử lý khoảng 65.449,06 tấn/năm (chiếm 92,26% tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt đô thị phát sinh). Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt khu dân cư nông thôn thu gom, vận chuyển và xử lý khoảng 120.684,47 tấn/năm (chiếm 53,45% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt khu dân cư nông thôn phát sinh).

Chất thải sinh hoạt sau khi đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển sẽ được xử lý tại các cơ sở như: Nhà máy xử lý rác Lý Sơn, Khu xử lý chất thải rắn Bình Nguyên, Bãi chứa rác tạm Đồng Nà - xã Tịnh Thiện, thành phố Quảng Ngãi,... và tại địa điểm xử lý rác thải sinh hoạt bằng hình thức chôn lấp tạm thời nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường ở địa phương.



Hình 7.4. Thu gom rác thải



Hình 7.5. Ra quân thu gom rác thải dọc vùng cửa biển Sa Cần



Việc thu gom và xử lý chất thải có ý nghĩa như thế nào đến môi trường tự nhiên và sức khỏe con người?

d) Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ

Hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ về bảo vệ môi trường đã được đẩy mạnh triển khai, nhằm góp phần nâng cao chất lượng công tác quản lý, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, đã có những dự án thiết thực như: Dự án “Ứng dụng tiến bộ kĩ thuật trồng phục hồi rạn san hô khu vực biển ven bờ huyện đảo Lý Sơn”, “Nghiên cứu xác lập cơ cấu cây trồng hiệu quả trên đất cát ven biển tỉnh Quảng Ngãi”,...



Việc ứng dụng công nghệ khoa học có ý nghĩa như thế nào đối với môi trường tự nhiên và con người?

3. Giải pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở tỉnh Quảng Ngãi

a) Giải pháp bảo vệ môi trường

Các giải pháp bảo vệ môi trường là một trong những cách khắc phục biến đổi khí hậu hiệu quả góp phần giữ môi trường xanh, sạch đẹp. Chúng ta có nhiều biện pháp bảo vệ môi trường khác nhau:

- Trồng cây xanh giúp bảo vệ môi trường;
- Xử lý môi trường vệ sinh xung quanh;
- Hạn chế sử dụng túi nilon và tăng cường sử dụng các sản phẩm tái chế an toàn;
- Áp dụng khoa học hiện đại vào đời sống, sử dụng năng lượng mặt trời,...



Hình 7.6. Nhà máy xử lý nước thải VSIP ở tỉnh Quảng Ngãi



Hình 7.7. Phát giỏ cói thân thiện môi trường cho Hội viên Hội Phụ nữ thôn Long Thạnh 2, thị xã Đức Phổ



Hình 7.8. Nhà máy Điện mặt trời xã Đức Minh, huyện Mộ Đức



Hình 7.9. Mô hình "Thành phố ước mơ" của Trường Tiểu học Nguyễn Nghiêm được làm từ vỏ hộp sữa, nước ngọt, nilon, sợi len,...



Tìm hiểu về tình hình thực tế tại địa phương nơi sinh sống và hoàn thành bảng:

Tác động	Ý nghĩa của việc trồng cây xanh	Ý nghĩa của việc xử lí môi trường vệ sinh xung quanh
Chất lượng không khí		
Nhiệt độ môi trường		
Chất lượng nguồn nước		
Tính chất đất		

b) Giải pháp phát triển bền vững

– Nâng cao nhận thức và sự hiểu biết môi trường, thay đổi hành vi ứng xử với thiên nhiên chính là nội dung cơ bản của chiến lược phát triển bền vững.

– Giảm đến mức thấp nhất sự cạn kiệt tài nguyên không tái sinh trên cơ sở tiết kiệm, sử dụng lại và tái chế các nguyên vật liệu; khai thác và sử dụng hợp lí các dạng tài nguyên có khả năng tái sinh (đất, nước, sinh vật).

– Phục hồi, phát triển hệ sinh thái tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học, bao gồm bảo vệ các loài, các nguồn gene và các hệ sinh thái, nhất là những hệ sinh thái có sức sản xuất cao mà con người đang sống dựa vào và những hệ sinh thái nhạy cảm với tác động của các nhân tố môi trường.

– Bảo vệ trong sạch môi trường đất, nước và không khí.

– Kiểm soát được gia tăng dân số, nâng cao chất lượng cuộc sống vật chất và tinh thần cho con người,...

(Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi năm 2022)



LUYỆN TẬP

1. Vẽ sơ đồ tư duy:

– Thực trạng bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở tỉnh Quảng Ngãi.

– Biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở tỉnh Quảng Ngãi.

2. Tại sao chúng ta cần phải có những biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững?



VẬN DỤNG

Hãy thực hiện 1 trong 2 nhiệm vụ:

1. Thiết kế dự án bảo vệ môi trường – phát triển bền vững ở nơi em sống.

2. Vẽ một bức tranh tuyên truyền về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở địa phương em.

BAN BIÊN SOẠN
TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH QUẢNG NGÃI
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 07/02/2023
của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Họ và tên	Nhiệm vụ	STT	Họ và tên	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Ngọc Thái	Trưởng ban	22	Lưu Thị Nga	Thành viên
2	Vũ Thị Liên Hương	Phó Trưởng ban	23	Lê Hoàng Nguyên	Thành viên
3	Nguyễn Hoàng Anh	Thành viên	24	Lê Văn Phương	Thành viên
4	Nguyễn Phương Anh	Thành viên	25	Trần Thị Kim Phượng	Thành viên
5	Quảng Trọng Bạch	Thành viên	26	Phan Ánh Quang	Thành viên
6	Nguyễn Thị Trâm Châu	Thành viên	27	Bùi Văn Quảng	Thành viên
7	Lê Tấn Cúc	Thành viên	28	Huỳnh Trung Sơn	Thành viên
8	Lê Đình Diệp	Thành viên	29	Lưu Quang Tân	Thành viên
9	Trần Ngọc Đẩu	Thành viên	30	Lương Ngọc Thành	Thành viên
10	Phan Đình Độ	Thành viên	31	Trần Thanh Thảo	Thành viên
11	Nguyễn Được	Thành viên	32	Hà Tấn Thọ	Thành viên
12	Cao Thị Thanh Hà	Thành viên	33	Nguyễn Thị Mỹ Thuận	Thành viên
13	Bùi Thị Hạnh	Thành viên	34	Huỳnh Thị Thu Thủy	Thành viên
14	Trần Thị Tuyết Hạnh	Thành viên	35	Huỳnh Tấn Tuấn	Thành viên
15	Nguyễn Thị Mai Hương	Thành viên	36	Nguyễn Thị Thủy Trang	Thành viên
16	Trương Thị Thu Hường	Thành viên	37	Đặng Thị Mai Trâm	Thành viên
17	Trần Thị Ngọc Lanh	Thành viên	38	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	Thành viên
18	Lê Văn Lợi	Thành viên	39	Võ Thị Mộng Tuyền	Thành viên
19	Phạm Huy Lộc	Thành viên	40	Bùi Văn Vàng	Thành viên
20	Huỳnh Ngọc Mỹ	Thành viên	41	Nguyễn Đắc Vương	Thành viên
21	Võ Thị Thuý Nga	Thành viên			

DANH MỤC HÌNH ẢNH SỬ DỤNG TRONG TÀI LIỆU

Hình	Nguồn
H1.1; H6.1	Nguyễn Đức Phong
H1.2 – H1.4; H2.1 – H2.2; H3.1 – H3.2; H3.4; H4.1 – H4.4; H6.4 – H6.12; H7.1 – H7.7; H7.9	Lê Minh Thế
H6.3	Nguyễn Văn Xuân
H3.3; H6.2	Phạm Ngọc Đường
H5.1 – H5.3	Ban biên soạn
H7.8	Nguyễn Đăng Lâm
Ảnh bìa	Nguyễn Tấn Phát

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH QUẢNG NGÃI LỚP 11

